**DANH MỤC MẪU BIỂU**

*(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-NHNo-NCPT ngày / /2018)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên mẫu biểu** | **Nội dung** |
|  | Mẫu 01a/NHĐT | Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử (đối với khách hàng cá nhân) – Tiếng Việt |
|  | Mẫu 01b/NHĐT | Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử (đối với khách hàng cá nhân) – Song ngữ (Tiếng Việt & Tiếng Anh) |
|  | Mẫu 02a/NHĐT | Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử (đối với khách hàng tổ chức) – Tiếng Việt |
|  | Mẫu 02b/NHĐT | Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử (đối với khách hàng tổ chức) – Song ngữ (Tiếng Việt & Tiếng Anh) |
|  | Mẫu 03a/NHĐT | Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử (đối với khách hàng tổ chức đăng ký dịch vụ phi tài chính) – Tiếng Việt |
|  | Mẫu 03b/NHĐT | Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử (đối với khách hàng tổ chức đăng ký dịch vụ phi tài chính) – Song ngữ (Tiếng Việt & Tiếng Anh) |
|  | Mẫu 04/NHĐT | Giấy đề nghị thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ ngân hàng điện tử (đối với khách hàng cá nhân) |
|  | Mẫu 05/NHĐT | Giấy đề nghị thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ ngân hàng điện tử (đối với khách hàng tổ chức) |
|  | Mẫu 06a/NHĐT | Biên bản bàn giao thiết bị xác thực – Tiếng Việt |
|  | Mẫu 06b/NHĐT | Biên bản bàn giao thiết bị xác thực – Song ngữ (Tiếng Việt & Tiếng Anh) |
|  | Mẫu 07/NHĐT | Giấy yêu cầu đăng ký và kích hoạt thiết bị xác thực/phần mềm sinh OTP |
|  | Mẫu 08/NHĐT | Giấy yêu cầu tra soát giao dịch |

**Mẫu 01b/NHĐT**

|  |  |
| --- | --- |
| Cogo V | **GIẤY ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ**  ***Registration for Agribank E-Banking services***  (Đối với khách hàng cá nhân/*For Individual customer*) |

**Kính gửi: Agribank Chi nhánh/***To Agribank branch* ……………………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Thông tin khách hàng/***Customer information* | | | | |
| Họ và tên/*Full name*   |  | | --- | |  |   Số CMND/CCCD/Hộ chiếu  *ID/ Passport No.*   |  | | --- | |  | | | Ngày sinh/*Date of birth*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |   Ngày cấp  *Date of issue*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | | | Mã số thuế cá nhân[[1]](#footnote-1)/ *Personal tax no.*   |  | | --- | |  |   Nơi cấp  *Place of issue*   |  | | --- | |  | |
| Địa chỉ liên hệ/*Contact address*   |  | | --- | |  | | | | | |
| Điện thoại cố định/*Telephone*   |  | | --- | |  | | Điện thoại di động/*Mobile*   |  | | --- | |  | | | Hộp thư điện tử/*Email*   |  | | --- | |  | | |
| Ghi chú: Các thông tin đăng ký phải trùng khớp với thông tin mở tài khoản  *Note: Information must be identical to that in your account opening form* | | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II. Dịch vụ đăng ký/***Services to register* | | | |
| **Internet Banking** (tại https://ibank.agribank.com.vn/ibank*/ at https://ibank.agribank.com.vn/ibank*) | | | |
| Dịch vụ phi tài chính  *Non-financial services[[2]](#footnote-2)* | Dịch vụ thanh toán  *Payment services* | Dịch vụ tài chính  *Financial services* | |
| **Tài khoản sử dụng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1. Tài khoản mặc định/*Default Acct.* | 3. | 5. | | 2. | 4. | 6. |   **Phương thức xác thực giao dịch** (Áp dụng đối với dịch vụ tài chính, dịch vụ thanh toán)/ *Authentication method (for financial & payment services)* | | | |
| SMS OTP  SĐT sử dụng/*Mobile No.* | Soft OTP  SĐT sử dụng/*Mobile No.* | Token OTP  Loại/*Type* | |
| **Hạn mức chuyển khoản đặc biệt/***Special limit for transfer* | | | |
| Tài khoản sử dụng hạn mức đặc biệt  *Account using special limit*   |  | | --- | |  | | Hạn mức giao dịch lần  *Entry limit*   |  | | --- | | VND | | Hạn mức giao dịch ngày  *Day limit*   |  | | --- | | VND | | |
| **Agribank E-Mobile Banking**  Tài khoản mặc định Số điện thoại  *Default Account Mobile No.* | | | |
| **SMS Banking**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số điện thoại  *Mobile No.*  Số Tài khoản  *Account No.* |  |  |  |  |  | Tài khoản mặc định/  *Default Account* | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | | | | |
| **II. Dịch vụ đăng ký/***Services to register* | | | |
| **Agribank Mplus**  Tài khoản mặc định Số điện thoại  *Default Account Mobile No.* | | | |
| **Bankplus** (áp dụng đối với thuê bao Viettel/ *For Viettel subcriber*)  Tài khoản mặc định Số điện thoại  *Default Account Mobile No.* | | | |
| **III. Xác nhận của khách hàng/***Customer’s confirmation* | | | |
| Bằng việc ký vào Bản yêu cầu này, Tôi xác nhận:   1. Những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác. 2. Tôi đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết tuân thủ các điều kiện, điều khoản sử dụng dịch vụ ngân hàng đính kèm và hướng dẫn sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Agribank được đăng tải trên địa chỉ website http://www.agribank.com.vn   *By signing this form , I hereby confirm that:*   1. *The information provided above is complete, true and correct.* 2. *I have read, understood and accepted the Terms and Conditions of Using Agribank E-Banking services enclosed with this registration and E-Banking services instruction posted on Agribank website at http://www.agribank.com.vn* | | | Ngày*/Date: : / /\_\_\_\_\_*  **Khách hàng/***Customer*  (Ký, ghi rõ họ tên)  *(Signature and fullname)* |
| **IV. Phần dành cho ngân hàng/***For bank only* | | | |
| Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Giao dịch viên**/*Teller*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Kiểm soát viên/***Supervisor*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Giám đốc/***Director*  (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature, stamp and fullname)* | |

|  |  |
| --- | --- |
| Cogo V | **ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ**  *Terms and Conditions of Using Agribank E-Banking services* |

**Điều 1. Cung cấp và sử dụng dịch vụ**

***Article 1. Provision and use of services***

* 1. Dịch vụ ngân hàng điện tử (E-Banking) (sau đây gọi là Dịch vụ) do Agribank cung cấp cho khách hàng qua kênh phân phối điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Internet Banking, Agribank E-Mobile Banking, SMS Banking, Agribank Mplus, Bankplus. Agribank không áp dụng dịch vụ tài chính, thanh toán đối với tài khoản thanh toán chung, tài khoản tiền gửi khách hàng đã sử dụng để cầm cố, tài khoản thanh toán/tiền gửi bằng ngoại tệ.

*Electronic Banking (E-Banking) services (hereinafter referred to as the Services) provided by Agribank to Customers via electronic distribution channels, include but not limited to: Internet Banking, Agribank E-Mobile Banking, SMS Banking, Mplus, Bankplus. Agribank does not provide financial and payment services for joint payment account, deposit account that customer has pledged for loan, payment/deposit account in a foreign currency.*

* 1. Khách hàng chấp nhận có thời điểm các thông tin về giao dịch, số dư tài khoản của khách hàng qua dịch vụ E-Banking của Agribank chưa phải là thông tin chính xác cuối cùng tại thời điểm thông báo do lỗi hệ thống.

*Customers specifically accept that in some case, the information on transactions and account balances of customers reported through E-Banking services of Agribank may not be the final accurate information at the time of notification due to system errors.*

* 1. Khách hàng sẽ không sử dụng được dịch vụ E-Banking nếu tài khoản khách hàng chuyển sang trạng thái tạm khóa, phong tỏa toàn bộ số tiền trên tài khoản, không hoạt động, phong tỏa hoạt động của khách hàng…

*Customer can not use E-Banking services if Customer’s account is put in the status of temporarily being suspended, blocked of all amounts in the account, inactivated, blocked of customer’s activities, etc.*

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

***Article 2. Terminology***

* 1. Dịch vụ tài chính: Là dịch vụ cho phép thực hiện các giao dịch làm thay đổi số dư tài khoản của khách hàng tại Agribank như: chuyển khoản trong hệ thống Agribank, chuyển khoản liên ngân hàng, gửi tiền có kỳ hạn…/*Financial services: allow Customers to proceed transactions that change the account balance of Customers at Agribank, specifically: Agribank internal transfer, interbank transfer, online deposit, etc.*
  2. Dịch vụ thanh toán: Là dịch vụ cho phép thực hiện các giao dịch thanh toán cho đơn vị thụ hưởng mở tài khoản tại Agribank như: thanh toán hóa đơn, nộp thuế điện tử, nạp tiền ví điện tử…/*Payment services: allow Customers to proceed payment transactions to certain beneficiaries’ accounts at Agribank, such as bill payment, tax payment, E-wallet top-up, etc.*
  3. Dịch vụ phi tài chính: Là dịch vụ cho phép thực hiện truy vấn các thông tin liên quan đến tài khoản của khách hàng tại Agribank như: vấn tin tài khoản, vấn tin lịch sử giao dịch…. mặc định cung cấp khi khách hàng đăng ký dịch vụ/ *Non-financial services: allow Customers to query the information related to their account opened at Agribank, specifically: payment account information, transaction history, etc. provided by default when customers register the Services.*
  4. Tên đăng nhập (User ID): Là chuỗi ký tự/số điện thoại khách hàng sử dụng để đăng nhập vào hệ thống Ngân hàng điện tử của Agribank/ *Username (User ID): a sequence of characters/mobile phone number which Customers use to log on the Agribank E-Banking system.*
  5. Mật khẩu đăng nhập: Là chuỗi ký tự bí mật khách hàng sử dụng để đăng nhập/sử dụng Dịch vụ/*Password: a personally secret sequence of characters that Customers use to log on/use the Services.*
  6. Phương thức xác thực: Là các phương pháp được áp dụng để định danh người dùng và/hoặc chứng minh tính đúng đắn của một giao dịch được khởi tạo trên hệ thống ngân hàng điện tử./*Authentication method: is used to identify an user and/or verify a transaction that is initiated on the e-banking system.*
  7. Mã khóa bí mật dùng một lần (One Time Password - OTP): là mã khóa bí mật có giá trị sử dụng một lần được tạo ra ngẫu nhiên dưới dạng chuỗi ký tự/chữ số và có hiệu lực trong một khoảng thời gian nhất định để xác nhận thực hiện giao dịch ngân hàng điện tử./*One-time Password (OTP): is randomly generated in the form of a string or digits, valid for a period of time and one-time use only to verify e-banking transactions.*
* SMS OTP: Là OTP được máy chủ OTP của Agribank gửi tới số điện thoại đã đăng ký của khách hàng thông qua tin nhắn SMS/ *SMS OTP: OTP that Agribank’s OTP generator sends to registered mobile phone number via SMS.*
* Soft OTP: Là OTP được tạo ra từ phần mềm sinh OTP cài đặt trên thiết bị di động/máy tính khách hàng đăng ký với Agribank/ *Soft OTP: generated by OTP generator software installed in mobile device/computer registered by Customer.*
* Token OTP: Là OTP được tạo ra từ thiết bị xác thực/ *Token OTP: generated by authentication device*.
  1. Thiết bị xác thực: Là thiết bị sinh OTP do Agribank cung cấp cho khách hàng có nhu cầu/ *Authentication Device: is an One-time password generator which Agribank provides for customer.*
  2. Tài khoản mặc định: Là tài khoản thanh toán bằng VND của khách hàng mở tại Agribank. Tài khoản này dùng để trả phí duy trì dịch vụ ngân hàng điện tử và được sử dụng tất cả các dịch vụ ngân hàng điện tử đã đăng ký/ *Default Acount: is Customer’s current account in VND opened at Agribank. This account is used to pay the fee for maintaining the Services and can use all registered services.*
  3. Tài khoản sử dụng: Là các tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi (không kỳ hạn, có kỳ hạn)…của khách hàng mở tại Agribank mà khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử. Tài khoản này được sử dụng tất cả dịch vụ tài chính, thanh toán, phi tài chính (đối với Internet Banking) hoặc dịch vụ phi tài chính (đối với các dịch vụ ngân hàng điện tử khác)/ *Registered account: is payment account, deposit account (demand, term), etc. of Customers of Agribank who register E-banking service with Agribank. These accounts can use financial services, payment services, non-financial services (of Internet Banking) or non-financial services (of other Services)*.
  4. Hạn mức mặc định: Là số tiền hoặc số lần tối đa áp dụng đối với khách hàng do Agribank quy định/ *Default transaction limit: is the maximum transaction limit/times for transfer as prescribed by Agribank.*
  5. Hạn mức giao dịch lần: Là số tiền tối đa khách hàng được phép thực hiện trong một giao dịch/ *Entry limit: the maximum amount that Customers are allowed to conduct a payment order.*
  6. Hạn mức giao dịch ngày: Là tổng số tiền tối đa khách hàng được phép thực hiện đối với các giao dịch trong một ngày/ *Daily transaction limit: is the maximum amount in total that Customers are allowed to make payment order in one day.*
  7. Hạn mức số lần: Là tổng số lần tối đa khách hàng được phép thực hiện các giao dịch trong một ngày/ *Number of transaction limit: is the maximum numberof transactions that a Customer is allowed to conduct in one day.*
  8. Hạn mức đặc biệt: Là số tiền hoặc số lần tối đa (cao hơn hạn mức mặc định) khách hàng đã đăng ký và thỏa thuận với Agribank được phép thực hiện. Hạn mức này chỉ áp dụng cho 01 (một) tài khoản/ *Special transaction limit is the maximum number or amount of transactions for transfer (higher than the default transaction limit) which is registered by Customer and agreed by Agribank. This transaction limit is applied to only one (01) payment account.*

**Điều 3. Cam kết của khách hàng**

***Article 3. Customers’ Commitment***

* 1. Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin và giấy tờ cần thiết theo quy định của Agribank khi đăng ký/thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ và (hoặc) yêu cầu liên quan khác; Kịp thời cung cấp thông tin sửa đổi/bổ sung và giấy tờ cần thiết cho Agribank khi có sự thay đổi. Khách hàng chịu trách nhiệm về mọi rủi ro (nếu có) xảy ra trước thời điểm Agribank nhận được thông báo thay đổi/bổ sung của khách hàng hoặc do nguyên nhân của việc khách hàng cung cấp thông tin không chính xác, đầy đủ, khớp đúng, trung thực, cập nhật.

*Provide complete, accurate information and documents in accordance with Agribank’s regulations when registering /changing /adding /locking/terminating services and/or making other relevant requests; promptly provide the amendement/suplement of information and necessary documents to Agribank upon any change. Customer takes all risks (if any) occurring before Agribank’s receipt of Customer’s request of changing/adding information or due to Customers’ provision of incomplete, inconsistent and/or inaccurate and/or outdated information.*

* 1. Tự nguyện ủy quyền cho Agribank được tự động trích Nợ/phong tỏa tài khoản của khách hàng mở tại Agribank để thu các loại phí liên quan đến việc sử dụng dịch vụ. Trường hợp tài khoản của khách hàng tại Agribank không đủ tiền tại thời điểm Agribank thu phí, Agribank có quyền thu phí từ các tài khoản mở tại chi nhánh khác hoặc áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật và Agribank.

*Authorize on a voluntary basis Agribank to debit/block Customer’s registered account opened at Agribank, or any account opened at any branch if the balance of the registered account is insufficient, to charge fees of using the Services, or apply other measures as stipulated by laws and Agribank.*

* 1. Trường hợp sử dụng SMS OTP, tin nhắn được coi là đã gửi cho khách hàng nếu việc gửi tin này đã được thực hiện bởi đối tác cung cấp dịch vụ, bất kể khách hàng có thực sự nhận được tin nhắn hay không. Agribank không chịu trách nhiệm về việc thông tin hoặc tin nhắn của dịch vụ E-Banking bị truy cập hoặc sử dụng bởi bên không có thẩm quyền kể từ khi thông tin/tin nhắn được đối tác cung cấp dịch vụ của Agribank nhận và chuyển đến nhà cung cấp dịch vụ.

*In case of using SMS OTP, the message is deemed sent to the customer if it has been sent by the service provider, regardless of whether the customer has actually received the message or not. Agribank is exempt from the accessment or use of messages of E-Banking service by an unauthorized party from the time the counterparty of Agribank's service receives and delivers the information/message to the service provider.*

* 1. Đồng ý nhận tin nhắn do Agribank gửi tới với mục đích: Thông báo biến động số dư tài khoản trong trường hợp khách hàng đăng ký sử dụng, Agribank sẽ không gửi tin nhắn đối với các biến động trị giá dưới 10.000VND; thông báo OTP; các sản phẩm dịch vụ mới, chương trình khuyến mại và các thông báo khác phục vụ cho việc thực hiện giao dịch điện tử với khách hàng.

*Agree to receive messages from Agribank for the purposes of notification of changes in account balance if customer has registered for such service, Agribank will not send messages of updating amount less than 10,000VND; OTP message; Agribank’s new products, services and promotions and other notices facilitating the Services.*

* 1. Chịu mọi rủi ro, trách nhiệm trước pháp luật, trước đơn vị thụ hưởng liên quan đến các giao dịch về kinh tế, dân sự mà các chỉ dẫn thanh toán được thực hiện qua dịch vụ của Agribank. Agribank không chịu trách nhiệm về bất kỳ tranh chấp (nếu có) phát sinh giữa khách hàng và đơn vị thụ hưởng liên quan đến các giao dịch qua dịch vụ E-Banking.

*Bear all risks and take full responsibilities before the law and the beneficiary entities related to economic and civil transactions having payment instructions made via Agribank's services. Agribank is not responsible for any dispute (if any) arising between the customers and the beneficiaries related to the transactions through E-Banking services.*

**Điều 4. Quyền và trách nhiệm của khách hàng**

***Article 4. Rights and responsibilities of Customers***

***4.1. Quyền của khách hàng***

***Customer’s Rights***

a) Được sử dụng các dịch vụ ngân hàng điện tử đã đăng ký với Agribank và (hoặc) sử dụng thêm các tiện ích dịch vụ do Agribank cung cấp trong quá trình nâng cấp, phát triển dịch vụ/ *Use the E-banking Services registered with Agribank and (or) use additional services provided by Agribank in the process of upgrading and developing Services.*

b) Yêu cầu Agribank thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ, kích hoạt lại dịch vụ khi bị khóa/ *Request Agribank to change/add/lock/terminate or reactivate the Services.*

c) Yêu cầu Agribank hướng dẫn và cung cấp đầy đủ thông tin về dịch vụ và hỗ trợ trong quá trình sử dụng dịch vụ.*/Request Agribank to provide instructions, sufficient information of service’ information and assistance in the course of using the Services.*

d) Yêu cầu tra soát, khiếu nại về các giao dịch khi có sai sót hoặc nghi ngờ sai sót trong quá trình sử dụng dịch vụ theo quy định của Agribank và pháp luật. Khiếu nại phải được lập thành văn bản và gửi Agribank trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại. Quá thời hạn trên, Agribank sẽ không chịu trách nhiệm giải quyết. Trường hợp khiếu nại của khách hàng không liên quan đến lỗi của Agribank, Khách hàng sẽ phải chịu chi phí phát sinh từ việc xử lý khiếu nại theo quy định của Agribank (nếu có).

*Request for a transaction checking, making claim upon any error or suspicious error arising in the course of using the Services under the regulations of Agribank and local laws. Claims must be made in written form in 60 calendar days upon the time that the related transactions are conducted. Beyond the above period, Agribank will not be responsible for resolving these claims. In case these claims are not related to the fault of Agribank, Customer will have to bear all costs incurred for handling the claims in accordance with Agribank’s regulations (if any).*

***4.2. Trách nhiệm của khách hàng***

***The Customer’s obligations***

1. Tuân thủ các quy định tại Điều kiện, điều khoản sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử; các thủ tục đăng ký, trình tự giao dịch và hướng dẫn khác của Agribank trong quá trình sử dụng dịch vụ. Chịu trách nhiệm về những chi phí, tổn thất, thiệt hại phát sinh do thực hiện không đúng các Điều kiện, điền khoản này/ *Comply with the Terms and Conditions of using E-Banking, the registration procedures, transaction procedures and other instructions of Agribank when using the Services. Customers take full responsibility for any costs, losses, damages arising due to the fact of not complying this Terms and Conditions for the use of E-Banking.*
2. Áp dụng mọi biện pháp hợp lý đảm bảo an toàn, bảo mật, tính tương thích cho các loại máy móc, thiết bị kết nối,… do khách hàng sử dụng khi kết nối, truy cập dịch vụ nhằm kiểm soát, phòng ngừa và ngăn chặn việc sử dụng hoặc truy cập trái phép dịch vụ/ *Apply all suitable solutions in ensuring safety, confidentiality, compatibility for machines, connecting devices, etc. that are used by customer to connect, access to the Service so as to control, prevent, and avoid any unauthorized access.*
3. Chịu trách nhiệm bảo quản, bảo mật, không chia sẻ thông tin Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, OTP, thiết bị xác thực, chữ ký điện tử… khi sử dụng các dịch vụ. Thông báo kịp thời cho Agribank bằng các phương tiện thích hợp ngay khi phát hiện mật khẩu, thiết bị xác thực và (hoặc) chữ ký điện tử bị lộ, bị mất, sai sót, không đúng theo yêu cầu của mình. Trường hợp sử dụng dịch vụ Internet Banking, không đặt tùy chọn của trình duyệt web cho phép lưu lại tên, mật khẩu sử dụng, thoát khỏi hệ thống khi không sử dụng; Không sử dụng máy tính công cộng, mạng không dây công cộng truy cập vào hệ thống Internet Banking/ *Be responsible for maintaining and keeping* *user name, password, OTP, authentication device, electronic signature confidential when using the Services. Promptly notify Agribank by appropriate means when discovering that the password/authentication device and/or electronic signature is come out, damaged, flawed or is not as requested. In case of using Internet Banking, do not set web browser option to save username, password; sign out of the Services when not in use; do not use public computer, public wireless network to access to Internet Banking system.*
4. Không được phép ủy quyền đăng ký mới/thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ/ *Not be allowed to authorize to register/change/add/lock/terminate the Services*.
5. Hoàn trả, phối hợp với Agribank hoàn trả đầy đủ số tiền thụ hưởng do ngân hàng chuyển thừa, chuyển nhầm (bao gồm cả lỗi tác nghiệp, sự cố hệ thống của Agribank/đối tác cung ứng dịch vụ thanh toán)/ *Refund or coordinate closely with Agribank to refund in full amount mistakenly or excessively credited to the account (including either operational mistake or system error of Agribank/ payment service providers).*
6. Đảm bảo tài khoản có đủ số dư để Agribank thực hiện trích Nợ cho các giao dịch theo yêu cầu của khách hàng hoặc trích Nợ các khoản phí liên quan khi đến hạn thanh toán. Khách hàng sẽ bị dừng dịch vụ nếu không hoàn thành nghĩa vụ trả phí duy trì dịch vụ trong 01 (một) năm / *Ensure account balance sufficient for Agribank to debit for transactions at the request of customers or charge fees. Customers will be suspended the use of Services if they do not fulfil the payment obligation of maintenance fees in 01 (one) year.*
7. Thông báo và phối hợp kịp thời với Agribank để giải quyết khi có sai sót, sự cố hoặc tranh chấp trong quá trình sử dụng các dịch vụ/*Promptly notify or coordinate with Agribank to resolve errors, problems or disputes in the course of using the Services.*
8. Trường hợp khóa/hủy dịch vụ, khách hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các phát sinh từ những giao dịch của khách hàng thực hiện trong thời gian sử dụng dịch vụ chưa khóa/hủy/ *In case of locking/terminating the Services, Customers shall take full responsibilities of issues arising from transactions in the time of using the Services beyond locking/removing.*
9. Không thực hiện các giao dịch trái với pháp luật.

*Do not conduct transactions that are against the law.*

1. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Agribank/ *Others as regulated by law and Agribank.*

**Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Agribank**

***Article 5. Rights and responsibilities of Agribank***

***5.1. Quyền của Agribank/ Agribank’s***

1. Khi nâng cấp, phát triển dịch vụ, Agribank được phép bổ sung, cung cấp thêm các tiện ích dịch vụ cho khách hàng mà không cần thông báo hoặc yêu cầu khách hàng đăng ký bổ sung Dịch vụ/ *Agribank has the rights to supplement and provide additional services to customers when upgrading and developing the Service without any notice or require customers to register additional services.*
2. Khóa/hủy Dịch vụ mà không cần báo trước khi Agribank thấy là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp: (i) Theo quyết định, yêu cầu của pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, (ii) Khách hàng không tuân thủ các điều kiện, điều khoản, quy định của Agribank và (hoặc) quy định của pháp luật về sử dụng Dịch vụ, (iii) Các trường hợp liên quan đến giả mạo, rủi ro hoặc có gian lận; (iv) Có căn cứ/nghi ngờ về hoạt động rửa tiền của khách hàng, (v) Khi lợi ích của Agribank/khách hàng/bên thứ ba có thể bị vi phạm; (v) Khách hàng không thanh toán đủ phí duy trì dịch vụ trong thời hạn quy định; (vi) Tài khoản sử dụng dịch vụ của khách hàng chuyển sang trạng thái không hoạt động/phong tỏa/cầm cố; (vii) Khi có các sự cố do nguyên nhân bất khả kháng, vượt quá phạm vi kiểm soát của Agribank.

*Lock/terminate the Services without prior notice , including but not limited to: (i) the decision, the request of the law or the competent state agency; (ii) Customer fails to comply with the terms and conditions or regulations of Agribank and/or the law governing the use of the service; (iii) cases involving counterfeit, risk or fraud; (iv) There are grounds/doubts about customer laundering; (v) where the interests of Agribank/clients/third parties may be violated; (vi) In the case of occurrences caused by force majeure circumstances, beyond Agribank's control.*

1. Được phép sử dụng thông tin khách hàng để: (i) Phục vụ việc quản lý, giám sát, tư vấn, hỗ trợ,… giữa Agribank với khách hàng và (hoặc) sử dụng vào mục đích quảng bá, giới thiệu sản phẩm dịch dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và lợi ích của khách hàng; (ii) Chia sẻ với bên thứ ba hợp tác với Agribank trong việc cung cấp dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và lợi ích của khách hàng; (iii) Phục vụ việc điều tra hoạt động rửa tiền hoặc gửi cho cơ quan có thẩm quyền khi có căn cứ hoặc nghi ngờ/*Be entitled to use customer information to: (i) serve the management, supervision, advice, support... between Agribank and its customers and / or for the purpose of promoting and introducing products, services of Agribank to customers; (ii) Share with third parties in cooperation with Agribank to provide Services to improve the quality of customer service and benefits; (iii) To serve the investigation of money launderingactivities or to send to competent authorities when grounded or suspected.*
2. Từ chối thực hiện các giao dịch trường hợp tài khoản của khách hàng không đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện giao dịch/ *Refusal to make transactions if the customer's account does not meet the conditions for real current transaction.*
3. Yêu cầu khách hàng hoàn trả đầy đủ số tiền thụ hưởng do ngân hàng chuyển thừa, chuyển nhầm (bao gồm cả lỗi tác nghiệp, sự cố hệ thống của Agribank/đối tác cung ứng dịch vụ thanh toán). Trích Nợ tài khoản khách hàng giá trị các giao dịch; các khoản phí liên quan theo biểu phí được Agribank quy định trong từng thời kỳ; các khoản tiền tranh chấp và các khoản phí phát sinh khi tranh chấp được các cơ quan có thẩm quyền xử khách hàng thua kiện (nếu có).

*Request Customer to refund or coordinate closely with Agribank to refund in full amount mistakenly or excessively credited to the account (including either operational mistake or system error of Agribank/ payment service providers). Debit customer’s account value of the transaction; Related fees according to the fee schedule set by Agribank in each period; Wrong amounts of money credited, surplus to the account (if any); Disputes and charges incurred by the competent authorities in the case of disputes (if any) shall be lost.*

1. Các quyền khác theo quy định của Agribank và pháp luật/ *Other rights regulated by law and Agribank.*

***5.2. Trách nhiệm của Agribank***

***The responsibilities of Agribank***

1. Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan về cung cấp các dịch vụ ngân hàng điện tử; bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản, giao dịch của khách hàng/ *Comply with regulations on E-banking transaction; keep confidential information related to accounts, transactions of customers.*
2. Thực hiện thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng; tiếp nhận, giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại của khách hàng liên quan đến dịch vụ của Agribank/ *Change/add/lock/terminate the Services at Customer’s request; receive and resolve Customer’s complaints, trace requests related to the Services.*
3. Cung cấp hướng dẫn, hỗ trợ khách hàng sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật, Agribank/ *Provide guidance and assistance to Customer in the course of using the Services according to law and Agribank.*

**Điều 6. Hạn mức giao dịch/*Article 6. Transaction limits***

6.1. Agribank có thể thay đổi hoặc ấn định hạn mức mặc định cho các giao dịch của khách hàng, tổng hạn mức giao dịch ngày của tất cả các tài khoản đối với một khách hàng. Thông tin về hạn mức giao dịch được Agribank niêm yết công khai tại các điểm giao dịch, trang web chính thức của Agribank, các kênh cung cấp dịch vụ hoặc thông báo cho khách hàng qua hộp thư điện tử của khách hàng.

*Agribank can change or fix the limit for Customer’s transactions, transaction limit for all accounts of customer. Transaction limit regulations will be publicly posted at transaction offices, official website of Agribank, electronic distribution channels or notify Customer via email.*

6.2. Agribank sẽ thỏa thuận Hạn mức đặc biệt đối với các giao dịch chuyển khoản trong ngày được thực hiện trên hệ thống Ngân hàng điện tử khi khách hàng có nhu cầu/ *Agribank will negotiate with customers about special transaction limit for transfer on E-Banking system to meet customers’ demand*.

**Điều 7. Thời gian giao dịch/*Article 7. Transaction time***

7.1. Khách hàng có thể sử dụng dịch vụ 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần (trừ thời gian bảo trì hệ thống hoặc các lý do bất khả kháng khác ngoài tầm kiểm soát của Agribank như hỏa hoạn, động đất, sóng thần, bạo loạn, cấm vận… hoặc các hạn chế khác của Chính phủ).

*Customer can use the Services 24 hours per day and 07 days per week (except time for system maintenance or other forced majeure reasons out of Agribank’s control such as fires, floods, earthquakes, tsumanis, riots, embargoes or other government restrictions).*

* 1. Các yêu cầu, giao dịch của khách hàng chỉ được Agribank ghi nhận và xử lý khi: (i) Hệ thống đã xác nhận việc nhận được chỉ thị của khách hàng; (ii) Số dư tài khoản của khách hàng đủ để thực hiện các giao dịch đó; (iii) Giao dịch không vượt quá hạn mức; (iv) Giao dịch của khách hàng hợp lệ và không vi phạm bất kỳ quy định nào của Agribank, của bên thứ ba và của pháp luật.

*The requirements and transactions of customers are only recognized and processed by Agribank when: (i) the system has confirmed the receipt of customer instructions; (ii) Account balance of the customer sufficient to carry out such transactions; (iii) the transaction amounts do not exceed the limit; (iv) Customer's transaction is valid and does not violate any regulation of Agribank, third party and laws.*

**Điều 8. Chứng từ giao dịch/*Article 8. Transaction documents***

* 1. Các tài liệu, chứng từ liên quan đến việc cung cấp, sử dụng Dịch vụ và (hoặc) giao dịch giữa khách hàng với Agribank cũng như các số liệu được ghi chép, xác nhận và lưu giữ bởi hệ thống điện tử của Agribank sẽ là bằng chứng về việc giao dịch của khách hàng với Agribank.

*Documents, vouchers related to the provision, use of the Service and (or) customer transactions with Agribank as well as data recorded, verified and stored by the electronic system of Agribank will be the evidence of customer transactions with Agribank.*

* 1. Chứng từ giao dịch được sử dụng đối với các dịch vụ giữa khách hàng với Agribank là chứng từ điện tử. Nội dung chứng từ điện tử phải tuân thủ quy định của Agribank và các quy định khác của pháp luật liên quan đến giao dịch điện tử.

*Transaction documents used for Customer Services with Agribank are electronic documents. The contents of the electronic voucher must comply with Agribank's regulations and other provisions of law relating to electronic transactions.*

* 1. Khi có nhu cầu, khách hàng có thể đến bất kỳ điểm giao dịch của Agribank trên toàn quốc để nhận chứng từ giao dịch liên quan đến giao dịch phát sinh.

*, Customer having demand can come to any transaction offices of Agribank across the country to request and receive transaction document relating to transaction.*

**Điều 9. Phí dịch vụ/*Article 9. Service charges***

* 1. Việc áp dụng và thu các loại phí đối với khách hàng sử dụng dịch vụ tuân thủ các quy định về phí của Agribank trong từng thời kỳ.

*The application and collection of fees for customers using the service is subject to Agribank fee schedule in each period.*

* 1. Thông tin về các loại phí và biểu phí dịch vụ được Agribank niêm yết công khai tại các điểm giao dịch, trang web chính thức của Agribank, các kênh cung cấp dịch vụ hoặc thông báo cho khách hàng qua hộp thư điện tử của khách hàng.

*Information on Fees and Charges of Agribank's services are publicly listed at Agribank branches, on the official website of Agribank, the service provision channels or informing customers through the customer's e-mail.*

* 1. Tùy theo từng loại dịch vụ cụ thể, Agribank sẽ thực hiện thu phí của khách hàng theo loại giao dịch, giá trị giao dịch, số lượng giao dịch, đối tượng khách hàng…/ *Depending on the type of service, Agribank will charge customers according to transaction type, value, amount and customer type, etc.*

**Điều 10. Giao dịch không hủy ngang/*Article 10. Irrevocable transactions***

10.1**.** Khách hàng không thể huỷ, thay đổi, phủ nhận hay từ chối bất kỳ giao dịch nào đã được thực hiện qua dịch vụ E-Banking của Agribank bằng Tên đăng nhập và/hoặc mật khẩu của mình. Trường hợp khách hàng muốn hủy giao dịch, Agribank sẽ chỉ xem xét với điều kiện: (i) Agribank chưa ghi nhận và (hoặc) chưa xử lý giao dịch trên hệ thống; (ii) Việc hủy giao dịch không ảnh hưởng tới lợi ích của Agribank cũng như lợi ích của bất kỳ bên thứ ba nào khác.

*Customers can not cancel, change, deny or refuse any transaction made through E-Banking service of Agribank by their username and/or password. In case customers wish to cancel a transaction , Agribank will only consider on the conditions that: (i) Agribank has not yet recorded and/or has not processed the transaction on the system; (ii) The cancellation of the transaction will not affect the interest of Agribank as well as the interests of any other third party.*

10.2**.** Mọi giao dịch của khách hàng được thực hiện qua Dịch vụ E-Banking của Agribank sẽ được Agribank coi là có giá trị, không huỷ ngang và do khách hàng là người duy nhất thực hiện. Agribank không chấp nhận bất cứ sự ủy quyền nào khác cho bên thứ ba.

*All Customers’ transactions that are made through E-Banking services of Agribank shall be considered by Agribank as valid, irrevocable, and performed solely by the Customer. Agribank shall not accept any other authorization to a third party.*

**Điều 11. Điều khoản miễn trách nhiệm của Agribank**

***Article 11. Disclaimer of liability of Agribank***

11.1.Được miễn trách nhiệm thực hiện các giao dịch theo yêu cầu của khách hàng khi hệ thống của Agribank hoặc của bên thứ ba gặp sự cố và (hoặc) vì bất cứ lý do bất khả kháng nào khác/ *Be exempt from conducting transactions at the request of the Customer when the system of Agribank or a third party encounters a problem and/or any other majeure reasons.*

11.2**.** Được miễn trách nhiệm trong trường hợp khách hàng khiếu nại các nhà cung cấp hoặc trường hợp khách hàng lựa chọn sai tài khoản/người thụ hưởng/*Be exempt from liabilities in case customer make a claim on providers or customer chooses a wrong account/beneficiary.*

11.3**.** Được miễn trách nhiệm đối với những thiệt hại, tổn thất phát sinh trong quá trình sử dụng Dịch vụ của khách hàng trừ khi những tổn thất, thiệt hại do lỗi chủ quan của Agribank gây ra/ *Be exempt from liability for damages, losses caused by subjective errors of Agribank.*

**Điều 12. Sửa đổi nội dung điều khoản**

***Article 12. Amemdment of terms and conditions***

12.1. Agribank được phép sửa đổi nội dung của bản điều kiện, điều khoản này bằng cách thông báo qua các chi nhánh, các kênh cung cấp dịch vụ, website của Agribank hoặc thông báo bằng hình thức thích hợp khác/ *Agribank has the right to modify the contents of these terms and conditions, by giving notice at branches, via service distribution channels, on Agribank official website or other suitable methods.*

12.2.Việc khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ sau khi Agribank sửa đổi bản điều kiện, điều khoản này có nghĩa là khách hàng chấp thuận hoàn toàn các sửa đổi đó/ *That Customers continue to use the Serivces after Agribank’s modification of the terms and conditions means that customer fully accept such amendments.*

**Điều 13. Luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp**

***Article 13. Governing law and dispute resolution***

13.1. Điều khoản này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa khách hàng và Agribank thì tranh chấp đó trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của các bên/ *These terms and conditions are regulated by Vietnamese laws. If there is any dispute arisng between customers and Agribank, such dispute shall first be amicably settled through negotiation and conciliation on the basis of cooperation and respect for the rights and legitimate interests of eachparty.*

13.2Trường hợp các bên không hòa giải được, việc giải quyết tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nơi có Trụ sở của Agribank để giải quyết/ *In case of unsuccessful conciliation, the dispute settlement shall be subject to jurisdiction of the Court where Agribank’s headquarter is located, etc.*

**Điều 14. Thời hạn hiệu lực và điều khoản thi hành**

***Article 14. The validity and enforcement provisions***

14.1.Các điều kiện, điều khoản này có hiệu lực kể từ ngày khách hàng đăng ký sử dụng Dịch vụ cho đến khi khách hàng chấm dứt sử dụng Dịch vụ/ *These terms and conditions shall be effective from the date of customer’s registration for the use of Services until the date of customer’s termination of using the Services.*

14.2.Trường hợp một hoặc một số điều khoản được quy định trên đây bị vô hiệu do cơ chế, chính sách pháp luật từng thời kỳ hoặc các trường hợp khác thì việc vô hiệu của các điều khoản này không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của các điều khoản khác, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác, hoặc việc vô hiệu của điều khoản đó dẫn tới việc cung cấp dịch vụ bị chấm dứt/ *In case where one or more of the aforementioned provisions are invalidated due to legal mechanisms, policies from time to time or in other circumstances, the invalidation of these terms shall not affect the validity of other provisions, unless otherwise has been agreed by the parties, or the nullity of the provision leads to the termination of the service provision.*

14.3.Trường hợp khách hàng đã chấm dứt sử dụng Dịch vụ, các giao dịch đã được thực hiện trong thời hạn hiệu lực của điều kiện, điều khoản này vẫn tiếp tục có giá trị/ *In case where customer has terminated the use of the Service, the transactions executed within the validity of the terms and conditions of the service shall continue to be valid.*

14.4. Các điều kiện, điều khoản này được lập thành bản song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng/ *These terms and conditions will be a billingual document, Vietnamese and English, in case of any discrepancies in meaning between Vietnamese and English versions, the Vietnamese one shall prevail.*

**Khách hàng/*Customer***

*(Ký, ghi rõ họ tên/Signature and fullname)*

**Mẫu 02b/NHĐT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Description: Cogo V | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  *Socialist Republic of Vietnam*  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Independence – Freedom - Happiness*  ---------------------- | Mã số khách hàng  CIF No.:……………. |

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ**

***Contract for Provision and Use of E-Banking Service***

*Số: ……… /HDIBDN……..*

(Áp dụng đối với khách hàng tổ chức/ *For Corporate Customers*)

Căn cứ Bộ luật dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung/ *Pursuant to the Civil Code of the Socialist Republic of Vietnam No. 91/2015/QH13 dated November 24th, 2015 and the replaced, amended, and supplemented documents;*

Căn cứ Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005/ *Pursuant to the Law on E-Transactions No. 51/2005 / QH11 dated November 29th, 2005*;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010/ *Pursuant to Law on Credit Institutions No.47/2010/QH12 dated June 16th, 2010*;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính/ *Pursuant to the Decree No. 27/2007 ND-CP dated February 23rd, 2007 on E-Transactions in financial activities issued by the Government*;

Căn cứ Nghị định số 35/2007/NĐ-CP ngày 08/03/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng/ *Pursuant to the Decree No. 35/2007/ND-CP dated March 8th, 2007 on E-Transactions in banking activities issued by the Government*;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt/ *Pursuant to the Decree No. 101/2012/ND-CP dated November 22nd, 2012 on non-cash payment issued by the Government*;

Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử/ *Pursuant to the Decree No. 52/2013/ND-CP dated May 16th, 2013 on E-Commerce issued by the Government*;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng/ *Pursuant to the Decree No. 72/2013/ND-CP dated July 15th, 2013 by the Government on management, provision and use of Internet services and online information*;

Căn cứ Thông tư 35/2016/TT-NHNN ngày 29/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet và các văn bản sửa đổi, bổ sung/*Pursuant to the Circular No.35/2016/TT-NHNN dated December 29th 2016 by the State Bank of Vietnam on the safety and confidentiality over provision of banking services on the Internet and its amendments, supplements;*

Theo nhu cầu và khả năng của hai Bên/ *Upon the need and capability of the two Parties*

Hôm nay/ *Today*, ngày/ *on* tháng/*month* năm/*year* , chúng tôi gồm/*we include*:

**Bên A/***Party A***: Bên cung cấp dịch vụ - Agribank Chi nhánh/***Service Provider - Agribank Branch…*

Địa chỉ/ *Address*:

Điện thoại/*Tel No.*: Fax:

Mã số thuế/*Tax No.*: Cấp ngày/*Date of issue* Tại/ *Place of issue*

Người đại diện/*Represented by:* Chức vụ/*Position*:

Số CMND/CCCD/*ID No.*: Cấp ngày/*Date of issue* Tại/*Place of issue*

Theo Giấy ủy quyền số/*Under the Power of Attorney No.*: Ngày/*Dated* của/*by*

**Bên B/***Party B***: Bên sử dụng dịch vụ/***Service User***:**

Địa chỉ/ *Address*:

Điện thoại/*Tel No.*: Fax:

Số Giấy phép ĐKKD*/Business Registration No.*: Cấp ngày/ *Date of issue* Tại/*Place of issue:*

Mã số thuế/*Tax No.*: Cấp ngày/*Date of issue* Tại/*Place of issue*

Người đại diện/*Represented by:* Chức vụ/*Position*:

Số CMND/CCCD/*ID No.*: Cấp ngày/*Date of issue*. Tại/*Place of issue*

Theo Giấy ủy quyền số/*Under the Power of Attorney No.*: Ngày/*Dated* của/*by*

Hai Bên đã thỏa thuận và ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử với các điều khoản sau/ *The two parties hereby agree to enter into the contract for provision of E- banking services in accordance with the following terms and conditions:*

1. **Giải thích từ ngữ/*Article 1. Terminology:***
2. Dịch vụ ngân hàng điện tử (dịch vụ): Là các dịch vụ ngân hàng được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn bởi Internet Banking, Agribank E-Mobile Banking, SMS Banking/*Electronic Banking (E-Banking) services (hereinafter referred to as Services): Banking Services provided by Agribank to Customers via electronic distribution channels, including but not limited to Internet Banking, Agribank E-Mobile Banking, SMS Banking.*
3. Khách hàng: Là tổ chức có tư cách pháp nhân mở tài khoản thanh toán tại Agribank, đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Agribank/ *Customer: organization/corporate opening current accounts at Agribank and registering to use E-Banking service of Agribank.*
4. Dịch vụ tài chính: Là dịch vụ cho phép thực hiện các giao dịch làm thay đổi số dư tài khoản của khách hàng tại Agribank như: chuyển khoản trong hệ thống Agribank, chuyển khoản liên ngân hàng, gửi tiền có kỳ hạn…/ *Financial services: allow Customers to conduct transactions that change the account balance of Customers at Agribank, specifically: Agribank internal transfer, interbank transfer, term deposit, etc.*
5. Dịch vụ thanh toán: Là dịch vụ cho phép thực hiện các giao dịch thanh toán cho đơn vị thụ hưởng mở tài khoản tại Agribank như: thanh toán hóa đơn, nộp thuế điện tử, nạp tiền ví điện tử…/ *Payment services: allow Customers to conduct payment transactions for the given beneficiaries’ accounts opened at Agribank, specifically Bill payment, E- tax payment, E-wallet top up, etc.*
6. Dịch vụ phi tài chính: Là dịch vụ cho phép thực hiện truy vấn các thông tin liên quan đến tài khoản của khách hàng tại Agribank như: vấn tin tài khoản, vấn tin lịch sử giao dịch… mặc định cung cấp khi khách hàng đăng ký dịch vụ/ *Non-financial services: services that allow Customers to query the information relatated to Customers’s account opened at Agribank, specifically: Inquiry payment account information, inquiry transaction history, etc. provided by default when customers register for the Services.*
7. Tên đăng nhập (User ID): Là chuỗi ký tự/số điện thoại khách hàng sử dụng để đăng nhập vào hệ thống Ngân hàng điện tử của Agribank/ *Username (User ID): a sequence of characters/mobile phone number which Customers use to log on Agribank E-Banking system.*
8. Mật khẩu đăng nhập: Là chuỗi ký tự bí mật khách hàng sử dụng để đăng nhập/sử dụng Dịch vụ/ *Password: a personally secret sequence of characters that Customers use to log on/use the Services.*
9. Phương thức xác thực: Là các phương pháp được áp dụng để định danh người dùng và/hoặc chứng minh tính đúng đắn của một giao dịch được khởi tạo trên hệ thống ngân hàng điện tử./ *Authentication method: is used to identify the user and / or verify a transaction that is initiated on the e-banking system.*
10. Mã khóa bí mật dùng một lần (One Time Password - OTP): là mã khóa bí mật có giá trị sử dụng một lần được tạo ra ngẫu nhiên dưới dạng chuỗi ký tự/chữ số và có hiệu lực trong một khoảng thời gian nhất định để xác nhận thực hiện giao dịch ngân hàng điện tử./*One-time Password (OTP): is randomly generated in the form of a string or digits, valid for a period of time and one-time use only to verify e-banking transactions.*

* SMS OTP: Là OTP được máy chủ OTP của Agribank gửi tới số điện thoại đã đăng ký của khách hàng thông qua tin nhắn SMS/ *SMS OTP: OTP which Agribank’s OTP generator sends to registered mobile phone number via SMS.*
* Soft OTP: Là OTP được tạo ra từ phần mềm sinh OTP cài đặt trên thiết bị di động khách hàng đăng ký với Agribank/ *Soft OTP: OTP generated by OTP generator software installed in registered mobile device.*
* Token OTP: Là OTP được tạo ra từ thiết bị xác thực/ *Token OTP: OTP generated by authentication device*.

1. Thiết bị xác thực: Là thiết bị sinh OTP do Agribank cung cấp cho khách hàng có nhu cầu/ *Authentication Device means a One-time password generator which Agribank provides to customer.*
2. Tài khoản mặc định: Là tài khoản thanh toán bằng VND của khách hàng mở tại Agribank. Tài khoản này dùng để trả phí duy trì dịch vụ ngân hàng điện tử và được sử dụng tất cả các dịch vụ ngân hàng điện tử đã đăng ký/ *Default Acount: Customer’s current account in VND opened at the Agribank. This account is used to pay for the fee of maintaining the E-banking services and to use all registered E-banking services.*
3. Tài khoản sử dụng: Là các tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi tiết kiệm (không kỳ hạn, có kỳ hạn)…của khách hàng mở tại Agribank mà khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử. Tài khoản này được sử dụng tất cả dịch vụ tài chính, thanh toán, phi tài chính (đối với Internet Banking) hoặc dịch vụ phi tài chính (đối với các dịch vụ ngân hàng điện tử khác)/ *Registered account: payment account, deposit account (non-term, termly), etc. of Customers of Agribank which Customers register with Agribank. These accounts can use financial services, payment services, non-financial services (of Internet Banking) or non-financial services (of other E-banking services)*.
4. Hạn mức mặc định: Là số tiền hoặc số lần tối đa áp dụng đối với khách hàng do Agribank quy định/ *Default transaction limit is the maximum transaction limit/number for transfer as prescribed by Agribank.*
5. Hạn mức giao dịch lần: Là số tiền tối đa khách hàng được phép thực hiện trong một giao dịch/ *Entry limit means the maximum amount that Agribank regulates for Customers being allowed to conduct for a payment order.*
6. Hạn mức giao dịch ngày: Là tổng số tiền tối đa khách hàng được phép thực hiện đối với các giao dịch trong một ngày/ *Daily limit means the maximum total amount that Agribank regulates for Customers being allowed to make payment order in one day.*
7. Hạn mức số lần: Là tổng số lần tối đa khách hàng được phép thực hiện các giao dịch trong một ngày/ *Number of transaction limit: the maximum number of transactions that Agribank Customers are allowed to conduct in one day.*
8. Hạn mức đặc biệt: Là số tiền hoặc số lần tối đa (cao hơn hạn mức mặc định) khách hàng đã đăng ký và thỏa thuận với Agribank được phép thực hiện. Hạn mức này chỉ áp dụng cho 01 (một) tài khoản/ *Special transaction limit is the maximum transaction limit for transfer (higher than the default transaction limit) which is registerd by Customer and negotiated with Agribank. This transaction limit is applied for 01(one) payment account.*
9. **Cung cấp dịch vụ/*****Article 2: Provision of services***
   1. Bên A đồng ý cung cấp và Bên B đồng ý sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Bên A để thực hiện các giao dịch được đăng ký tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này/ *Party A agrees to provide and Party B agrees to use the E-Banking service provided by Party A to conduct transactions registered in Appendix 01 of this Contract*.
   2. Việc đồng ý sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử của Bên B theo Hợp đồng này được hiểu là việc đồng ý với loại hình dịch vụ đã đăng ký và toàn bộ các thông tin, hướng dẫn, quy định và điều kiện sử dụng dịch vụ mà Bên A đang áp dụng đối với các loại dịch vụ đó tại thời điểm các Bên ký kết Hợp đồng này cũng như các sửa đổi, bổ sung (nếu có) trong thời gian Bên B sử dụng dịch vụ do Bên A cung cấp/ *Party B’s agreement to use the E-Banking service under this Contract shall be understood as Party B’s agreement on the registered services and all information, instructions, rules and terms of use that are being applied by Party A to those kinds of services at the time of signing this Contract as well as amendments and supplements (if any) during the time Party B uses the service provided by Party A.*
   3. Bên B chấp nhận có thời điểm các thông tin về giao dịch, số dư tài khoản của Bên B qua dịch vụ E-Banking của Bên A chưa phải là thông tin chính xác cuối cùng tại thời điểm thông báo do lỗi hệ thống. Bên A sẽ không gửi tin nhắn đối với các biến động trị giá dưới 10.000VND./ *Party B specifically accept that in some case, the information on transactions and account balances of Party B reported through E-Banking services of Party A may not be the final accurate information at the time of notification due to system errors.* *Party A will not send messages of updating amount less than 10,000VND.*
   4. Bên B sẽ không sử dụng được dịch vụ E-Banking nếu tài khoản Bên B chuyển sang trạng thái tạm khóa, phong tỏa toàn bộ số tiền trên tài khoản, không hoạt động, phong tỏa hoạt động…/ *Party B can not use E-Banking services if Party B’s account is put in the status of temporarily being suspended, blocked of all amounts in the account, inactivated, blocked of customer’s activities, etc.*
10. **Tên đăng nhập, mật khẩu đăng nhập và thiết bị xác thực giao dịch/*****Article 3: Provision of username, password and transaction authentication devices***
11. Bên A cung cấp cho Bên B tên đăng nhập và mật khẩu đăng nhập để truy cập và sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng. Trong trường hợp sử dụng các dịch vụ tài chính/ thanh toán, Bên B sẽ được cung cấp thêm thiết bị xác thực để kiểm soát và phê duyệt giao dịch. Bên A cung cấp các thiết bị hoặc phương thức bảo mật cao nhất hiện có của mình cho Bên B/ *Party A provides Party B with username and password for access to and use of the Internet Banking service after the two Parties sign the contract. In case of using financial/payment services, Party B will be additionally provided with authentication devices for transaction verification and approval. Party A provides the available security devices or methods to the best to Party B.*
12. Bên B cam kết bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu đăng nhập và thiết bị xác thực mà Bên A cung cấp từ thời điểm Bên A bàn giao tên đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thiết bị xác thực cho bên B. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp tên đăng nhập, mật khẩu, thiết bị xác thực bị lộ, bị mất và sẽ chịu mọi rủi ro do việc để lộ, để mất tên đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, thiết bị xác thực/ *Party B commits to the safekeeping of username, password and authentication devices provided by Party A from the time Party A hands over the username, password and authentication devices to party B. Party B will take full responsibilities in the event of and bear all risks for any losses and damages caused by the disclosure and/or loss of username, password and authentication devices.*
13. Trường hợp Bên B quên tên/ mật khẩu đăng nhập, Bên B có quyền đề nghị Bên A cấp lại./ *In the event of forgetting/losing the username/password, Party B has the right to ask Party A for reprovision.*
14. Bên B có quyền yêu cầu Bên A cấp lại thiết bị xác thực trong trường hợp thiết bị xác thực bị mất/bị hỏng và Bên B chịu mọi chi phí phát sinh cho việc cấp lại này/ *In case of loss and/or damage of authentication devices, Party B has the right to ask Party A to provide new authentication devices, and bears all the cost incurred therefrom.*
15. **Quyền và trách nhiệm của Bên B/*****Article 4: Rights and Obligations of Party B***
16. **Bên B có quyền/ *Party B reserves the rights to*:**
    1. Được sử dụng các dịch vụ Ngân hàng điện tử đã đăng ký với Bên A và (hoặc) sử dụng thêm các tiện ích dịch vụ do Bên A cung cấp trong quá trình nâng cấp, phát triển dịch vụ/ *Use the E-banking service registered with Party A and (or) use the facilities provided by Party A in the course of upgrading and developing the service*.
    2. Truy cập vào chương trình Ngân hàng điện tử của Bên A, sử dụng tên đăng nhập và mật khẩu đăng nhập để thực hiện các giao dịch trong phạm vi tài khoản và dịch vụ đã đăng ký tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này. Thông tin người sử dụng và vai trò người sử dụng được đăng ký tại Phụ lục 01 của Hợp đồng này/*Access to the E-banking system of Party A, use username and password to conduct transactions within the scope of accounts and services registered in Appendix 01 of this Contract. User’s information and user’s role are complied as registered in Appendix 01 of this Contract*;
    3. Khiếu nại, yêu cầu tra soát nếu có sai sót hoặc có giao dịch nghi ngờ phát sinh trong quá trình sử dụng Dịch vụ theo quy định của pháp luật và của Bên A. Khiếu nại phải được lập thành văn bản và gửi cho Bên A trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày giao dịch được thực hiện. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ không chịu trách nhiệm giải quyết. Trường hợp khiếu nại của Bên B không liên quan đến lỗi của Bên A, Bên B sẽ phải chịu chi phí phát sinh từ việc xử lý khiếu nại theo quy định của Bên A (nếu có)/ *Request for a transaction checking and/or claim in the event of errors or suspicious transactions arising during the use of the service in accordance with laws and Party A’s regulations. The complaints must be made ​​in written form and sent to Party A within sixty (60) working days since the involved transactions are performed. Beyond the above period, Party A shall not be responsible for solving these complaints. In case where Party B’s claims are not related to the Party A’s fault, Party B will have to bear all costs incurred from handling of claims in accordance with Party A’s regulations (if any)*;
    4. Yêu cầu Bên A thay đổi, bổ sung hoặc huỷ bỏ thông tin sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử gồm thông tin tài khoản, thông tin dịch vụ, thông tin người sử dụng và hạn mức giao dịch/ *Request Party A to change, supplement or cancel information about the user of Internet banking service, including information about accounts, services, users and transaction limit*;
    5. Được quyền yêu cầu Bên A hướng dẫn, hỗ trợ trong quá trình sử dụng dịch vụ/ *Request Party A to guide and support during the use of the service*;
    6. Được quyền yêu cầu Bên A kích hoạt lại dịch vụ khi bị khoá/ *Request Party A to reactivate the service that is locked.*
17. **Bên B có trách nhiệm/ *Party B is obliged to*:**
18. Tuân thủ các Điều kiện, điều khoản sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử quy định trong hợp đồng này; các thủ tục đăng ký, trình tự giao dịch và hướng dẫn khác của Agribank trong quá trình sử dụng dịch vụ. Chịu trách nhiệm về những chi phí, tổn thất, thiệt hại phát sinh do thực hiện không đúng các Điều kiện, điền khoản này/*Comply with the Terms and Conditions of use of E-Banking in this contract, the registration procedures, transaction procedures and other instructions of Agribank when using the Services. Customer takes full responsibility for the costs, losses, damgages arising in case of not complying this Terms and Conditions of use of E-Banking.*
19. Khi đăng ký dịch vụ tài chính/thanh toán phải đăng ký vai trò cho từng người dùng và tuân thủ các bước thực hiện giao dịch tài chính, thanh toán, cụ thể/ *When using payment/financial services, Customers must register users’ role for each user and comply with steps of conducting payment/financial services, specially*:

- Người tạo lập (bắt buộc): được phân quyền (i) Khởi tạo giao dịch, xác nhận giao dịch đã khởi tạo bằng phương thức xác thực do khách hàng đăng ký sử dụng với Agribank; (ii)Tra cứu các giao dịch đã tạo lập, chỉnh sửa nội dung các giao dịch chưa được kiểm soát/phê duyệt hoặc các giao dịch do Người kiểm soát hoặc Người phê duyệt chuyển trả lại; (iii) Không được chỉnh sửa nội dung của các giao dịch đã được kiểm soát/phê duyệt./*Creator (mandatory): is assigned to (i) Create transaction, confirm the created transaction by authentication method registered with Agribank by Customers, (ii) Look up the created transaction, modify the transaction which is not supervised/approved/rejected by the Supervisor/Approver, (iii) Not allow to modify the transaction which is supervised/approved.*

- Người kiểm soát (bắt buộc nếu thuộc trường hợp phải có chữ ký Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán ký trên chứng từ kế toán giao dịch với ngân hàng theo quy định của pháp luật): Được phân quyền (i) Tra cứu các giao dịch chờ kiểm soát và kiểm tra nội dung; (ii) Lựa chọn các giao dịch để kiểm soát hoặc chuyển trả Người tạo lập (có thể kiểm soát/chuyển trả một hoặc nhiều giao dịch cùng một lúc); (iii) Xác nhận giao dịch bằng phương thức xác thực do khách hàng đăng ký sử dụng với Agribank; (iv) Không được phép chỉnh sửa nội dung của bất kỳ giao dịch nào/*Supervisor (mandatory under the cases where the transaction documnent with bank requires signature of Chief Accountant or the person who is responsible for accounting as regulated by law): Is assigned to: (i) Look up transactions waiting for supervision and check the content; (ii) Select transaction to supervise/return to Creator (can supervise/return one transaction or more at the same time); (iii) Confirm transaction by authentication method registered at Agribank by Customer*; (*iv)* *Not allow to modify content of any transaction.*

- Người phê duyệt (bắt buộc): Được phân quyền (i) Tra cứu các giao dịch chờ phê duyệt và kiểm tra nội dung; (ii) Lựa chọn các giao dịch chờ phê duyệt để phê duyệt hoặc chuyển trả Người tạo lập (có thể phê duyệt/chuyển trả một hoặc nhiều giao dịch cùng lúc); (iii) Xác nhận giao dịch bằng phương thức xác thực do khách hàng đăng ký sử dụng với Agribank; (iv) Không được phép chỉnh sửa nội dung của bất kỳ giao dịch nào/*Approver (mandatory): Is assigned to: (i) Look up transaction waiting for approval and check the content, (ii) Select transactions to be approved/returned to the Creator (can approve/return one or more transactions at the same time), (iii) Confirm transactions by authentication method registered at Agribank by Customer, (iv)* *Not allow to modify content of any transaction.*

1. Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin và giấy tờ cần thiết theo quy định của Agribank khi đăng ký/thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ và (hoặc) yêu cầu liên quan khác; Kịp thời cung cấp thông tin sửa đổi/bổ sung và giấy tờ cần thiết cho Agribank khi có sự thay đổi. Khách hàng chịu trách nhiệm về mọi rủi ro (nếu có) xảy ra trước thời điểm Agribank nhận được thông báo thay đổi/bổ sung của khách hàng hoặc do nguyên nhân của việc khách hàng cung cấp thông tin không chính xác, đầy đủ, khớp đúng, trung thực, cập nhật/ *Provide information and documents as completely and accurately as required by Agribank when registering/changing/adding/lock/terminate the Services and/or other relevant requirements; promptly amend/add necessary information and documents to Agribank when there is a change. Customer takes all risks (if any) occurring before the time Agribank receives Customer’s notify of changing/adding information or because Customer provided incomplete, inconsistent and/or inaccurate and/or out of date information.*
2. Áp dụng mọi biện pháp hợp lý đảm bảo an toàn, bảo mật tính tương thích cho các loại máy móc, thiết bị kết nối,… do khách hàng sử dụng khi kết nối, truy cập dịch vụ nhằm kiểm soát, phòng ngừa và ngăn chặn việc sử dụng hoặc truy cập trái phép dịch vụ/ *Fully equip themselves with machines, connecting devices, etc. used to connect with the Service so as to have good control and prevent from any unauthorized access*
3. Chịu trách nhiệm bảo mật, bảo quản, không chia sẻ thông tin Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, OTP, thiết bị xác thực, chữ ký điện tử… khi sử dụng các dịch vụ. Thông báo kịp thời cho Agribank bằng các phương tiện thích hợp khi phát hiện mật khẩu, thiết bị xác thực và (hoặc) chữ ký điện tử bị sai sót, không đúng theo yêu cầu của mình. Trường hợp sử dụng dịch vụ Internet Banking, không đặt tùy chọn của trình duyệt web cho phép lưu lại tên, mật khẩu sử dụng, thoát khỏi hệ thống khi không sử dụng; Không sử dụng máy tính công cộng, mạng không dây công cộng truy cập vào hệ thống Internet Banking/ *Be responsible for maintaining and keeping user name, password, OTP, authentication device, electronic signature… confidential when using the Services. Promptly notify Agribank by appropriate means when discovering that the password, authentication device and/or electronic signature is flawed, or is not as request. In the event that Customers do not set web browser option to save username, password; sign out of the Services when not use; not use public computer, public wireless network to access to Internet Banking system while using Internet Banking services.*
4. Tên đăng nhập, mật khẩu, thiết bị xác thực của người sử dụng nào thì người sử dụng đó nhận trực tiếp tại các điểm giao dịch nơi đăng ký dịch vụ của Bên A/ *Username, password, authentication device of whichever user must be received directly by that user at Party A’s registering transaction office.*
5. Thông báo bằng cách thức nhanh nhất cho Bên A khi phát hiện hoặc nghi ngờ việc truy cập trái phép Dịch vụ được Bên A cung cấp cho Bên B hoặc nghi ngờ có người biết thông tin tên đăng nhập và mật khẩu đăng nhập của người sử dụng của Bên B. Bên B phải xác nhận lại thông báo của mình bằng văn bản gửi cho Bên A (nếu trước đó thông báo bằng các hình thức khác)/ *Inform Party A promptly when detecting or suspecting any unauthorized access to the service provided by Party A to Party B, or suspecting that the information about username and password of Party B’s user is leaked by unauthorized people. Party B must send written confirmation of Party B’s notice(s) to Party A (if previously notified in other forms).*
6. Chịu trách nhiệm và không được hủy ngang, thoái thác bất cứ giao dịch Ngân hàng điện tử nào đã gửi tới Agribank thành công bằng Tên đăng nhập (user ID), Mật khẩu đăng nhập (password) kết hợp với OTP/mã xác thực hay chữ ký điện tử của khách hàng. Các giao dịch Ngân hàng điện tử đã được gửi tới Agribank hợp lệ và được Agribank chấp thuận có đầy đủ tính pháp lý của một hợp đồng giữa Agribank và khách hàng/ *Be responsible for and irrevocably bound by or not to refuse any successful E- Banking transaction performed with username (user ID), password in conjunction with OTP/Authentication Code or digital signature of the Customer. Valid and Accepted Internet Banking transactions to Agribank have fully legal status of a contract between Agribank and the customer.*
7. Hoàn trả, phối hợp với Agribank hoàn trả đầy đủ số tiền thụ hưởng do ngân hàng chuyển thừa, chuyển nhầm (bao gồm cả lỗi tác nghiệp, sự cố hệ thống của Agribank/đối tác cung ứng dịch vụ thanh toán)/ *Refund, coordinate with Agribank to refund in full amount mistakenly or excessively credited to the account (due to either operational mistake or technical error from either Agribank or other payment service providers).*
8. Đảm bảo tài khoản có đủ số dư để Agribank thực hiện trích Nợ cho các giao dịch theo yêu cầu của khách hàng hoặc trích Nợ các khoản phí liên quan khi đến hạn thanh toán. Khách hàng sẽ bị dừng dịch vụ nếu không hoàn thành nghĩa vụ trả phí duy trì dịch vụ trong 01 (một) năm/ *Ensure account balance sufficient for Agribank to debit for transactions at the request of customers or debit the related charges/fees on the due date. Customer shall be suspended the use of Services if they do not pay fees for 01 (one) years for service of charging maintenance fee by year.*
9. Thông báo và phối hợp kịp thời với Agribank để giải quyết khi có sai sót, sự cố hoặc tranh chấp trong quá trình sử dụng các dịch vụ. Chịu trách nhiệm giải quyết mọi tranh chấp phát sinh với bên chỉ thị ghi Có cho Bên B hoặc cho người hưởng của Bên B liên quan đến việc chuyển khoản sau khi Bên A đã thực hiện đúng theo chỉ thị thanh toán/ *Promptly notify or coordinate with Agribank to resolve errors, problems or disputes in the course of using the Serivices. Be responsible for solving any disputes occurred with the ordering party or with the beneficiary party relating to transfers effected by Party A as instructed.*
10. Trường hợp khóa/hủy dịch vụ, khách hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các phát sinh từ những giao dịch của khách hàng thực hiện trong thời gian sử dụng dịch vụ chưa khóa/hủy/ *In case of lock/termination of the Service, Customer still take full responsibility of issues arising from transactions in the time of using the Services beyond lock/termination.*
11. Cam kết không thực hiện các giao dịch trái với quy định luật pháp; không được sử dụng các dịch vụ Ngân hàng điện tử của Bên A cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác/ *Commit not performing transactions in a manner that is inconsistent with Laws and not to use Party A’s Internet Banking service for the purposes of money laundering, terrorist financing, fraud or other violations.*
12. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và các quy định có liên quan của bên A/ *Fulfil other obligations in accordance with Laws and Party A’s relevant regulations.*
13. **Quyền và trách nhiệm của Bên A/*****Article 5: Rights and Obligations of Party A***
    1. **Bên A có quyền/ *Party A reserves the rights to*:**

a) Khi nâng cấp, phát triển dịch vụ, Agribank được phép bổ sung, cung cấp thêm các tiện ích Dịch vụ cho khách hàng mà không cần thông báo hoặc yêu cầu khách hàng đăng ký bổ sung Dịch vụ/ *When upgrading and developing the Service, Agribank has right to supplement and provide additional services for customers without notice or requirement over customers to register additional services.*

b) Khóa/hủy Dịch vụ mà không cần báo trước khi Agribank thấy là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp: (i) Theo quyết định, yêu cầu của pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (ii) Khách hàng không tuân thủ các điều kiện, điều khoản, quy định của pháp luật và (hoặc) quy định của Agribank về sử dụng Dịch vụ, (iii) Các trường hợp liên quan đến giả mạo, rủi ro hoặc có gian lận; (iv) Có căn cứ/nghi ngờ về hoạt động rửa tiền của khách hàng, (v) Khi lợi ích của Agribank/khách hàng/bên thứ ba có thể bị vi phạm; (v) Khách hàng không thanh toán đủ phí duy trì dịch vụ trong thời hạn quy định; (vi) Tài khoản sử dụng dịch vụ của khách hàng chuyển sang trạng thái không hoạt động/phong tỏa/cầm cố; (vii) Khi có các sự có do nguyên nhân bất khả kháng, vượt quá phạm vi kiểm soát của Agribank/ *Lock/terminate the Service when it is aware of necessary without prior notice , including but not limited to: (i) the decision, the request of the law or the competent state agency; (ii) Customer’s failure to comply with conditions, the terms and conditions of Agribank and/or the law governing use of the service; (iii) cases involving counterfeit, risk or fraud; (iv) Having grounds/doubts about customer laundering; (v) the posibility of violation against the interests of Agribank / clients / third parties ; (vi) In the case of occurrences caused by force majeure circumstances, beyond Agribank's control*.

c) Được phép sử dụng thông tin khách hàng để: (i) Phục vụ việc quản lý, giám sát, tư vấn, hỗ trợ,… giữa Agribank với khách hàng và (hoặc) sử dụng vào mục đích quảng bá, giới thiệu sản phẩm dịch dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và lợi ích của khách hàng; (ii) Chia sẻ với bên thứ ba hợp tác với Agribank trong việc cung cấp dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và lợi ích của khách hàng; (iii) Phục vụ việc điều tra hoạt động rửa tiền hoặc gửi cho cơ quan có thẩm quyền khi có căn cứ hoặc nghi ngờ/ *Be entitled to use customer information to: (i) serve the management, supervision, advice, support... between Agribank and its customers and / or for the purpose of promoting and introducing products, services of Agribank to customers; (ii) Share with third parties in cooperation with Agribank to provide Services to improve the quality of customer service and benefits; (iii) Serve the investigation of money laundering operations or send to competent authorities upon evidence or suspection*.

d) Từ chối thực hiện các giao dịch trường hợp tài khoản của khách hàng không đáp ứng đủ các điều kiện để thực hiện giao dịch/ *Refuse to make transactions if the customer's account does not meet the conditions for processing transaction.*

e) Yêu cầu khách hàng hoàn trả đầy đủ số tiền thụ hưởng do ngân hàng chuyển thừa, chuyển nhầm tiền (bao gồm cả lỗi tác nghiệp, sự cố hệ thống của Agribank/đối tác cung ứng dịch vụ thanh toán). Trích Nợ tài khoản khách hàng giá trị các giao dịch; các khoản phí liên quan theo biểu phí được Agribank quy định trong từng thời kỳ; các khoản tiền tranh chấp và các khoản phí phát sinh khi tranh chấp được các cơ quan có thẩm quyền xử khách hàng thua kiện (nếu có)/ *Request Customer to refund in full amount that has mistakenly or excessively credited to the account (due to either operational mistake or technical error from either Agribank or other payment service providers). Debit customer’s account the value of the transaction, related fees according to the fee schedule set by Agribank in each period, disputed amount and charges incurred from the dispute that has been sentenced of loss against Customer by the competent authorities.*

f) Các quyền khác theo quy định của Agribank và pháp luật/ *Other rights regulated by law and Agribank.*

* 1. **Bên A có trách nhiệm/ *Party A is obliged to:***

a) Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan về cung cấp các dịch vụ ngân hàng điện tử; bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản, giao dịch của khách hàng/ *Comply with regulations on E-banking transaction; keep confidential information related to accounts, transactions of customers.*

b) Thực hiện thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng; tiếp nhận, giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại của khách hàng liên quan đến dịch vụ của Agribank/ *Change/add/lock/terminate the Services upon Customer’s request; receive and resolve Customer’s complaints, investigation requests related to the Services.*

c) Cung cấp hướng dẫn, hỗ trợ khách hàng sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật, Agribank/ *Provide guidance and assistance to Customer in the course of using the Services according to the regulations of laws and Agribank.*

1. **Hạn mức giao dịch được thực hiện trên chương trình Ngân hàng điện tử/*****Article 6: Transaction limit conducted on E-Bank system***
2. Bên A có thể thay đổi và/hoặc ấn định hạn mức cho các giao dịch trong từng thời kỳ, tổng hạn mức giao dịch ngày của tất cả các tài khoản đối với một khách hàng và sẽ công bố rộng rãi tại các chi nhánh/phòng giao dịch của Bên A trên toàn quốc hoặc trên website chính thức của Agribank/ *Party A can change and/or set transaction limit, transaction limit for all accounts of customer from time to time, and will make such transaction limit public through Party A’s branches/transaction offices or on Party A’s official website.*
3. Bên A sẽ thỏa thuận Hạn mức đặc biệt đối với các giao dịch chuyển khoản trong ngày được thực hiện trên hệ thống Ngân hàng điện tử khi Bên B có nhu cầu/ *Party A will negotiate with Party B about special transaction limit for transfer on E-Banking system upon Party B’s demand.*
4. **Thực hiện giao dịch trên chương trình Ngân hàng điện tử/*****Article 7: Execution of transactions on E-Banking system***
5. Bên A được hiểu là đã nhận được các lệnh giao dịch do Bên B chuyển đến qua chương trình Ngân hàng điện tử khi và chỉ khi những lệnh giao dịch này được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bên A và đã được hệ thống của Bên A ghi nhận/*Party A is considered as having received transaction orders from Party B via the E-Banking system only when these orders are executed in accordance with the instructions of Party A and recognized by the Party A’s system*.
6. Giao dịch được tạo lập, kiểm soát và phê duyệt trên chương trình Ngân hàng điện tử sau khi đã nhập đúng tên đăng nhập, mật khẩu đăng nhập, mã xác thực (được thiết bị xác thực tự động sinh ra) được coi là có hiệu lực và có giá trị ràng buộc. Bên A kiểm tra tính xác thực của giao dịch nhận được trên chương trình Ngân hàng điện tử bằng việc kiểm tra tên đăng nhập, mật khẩu đăng nhập và mã xác thực giao dịch/*A transaction that is created, verified and approved on the E-Banking system after the correct entry of username, password and authentication code (automatically generated by the authentication devices) is regarded to be effective and bound. Party A checks the authenticity of transactions received on the Internet banking system by checking username, password and transaction authentication code.*
7. Đối với các giao dịch đòi hỏi phải có chứng từ gốc kèm theo theo quy định của pháp luật, lệnh giao dịch trên chương trình Ngân hàng điện tử của Bên B chỉ được coi là có hiệu lực khi Bên A nhận được đầy đủ chứng từ gốc kèm theo của giao dịch nói trên. Trường hợp Bên A chưa nhận đủ các chứng từ gốc theo quy định, Bên A không chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh do giao dịch bị chậm trễ/*For transactions requiring attached original documents as regulated by Laws, Party B’s transaction orders on the E-Banking system are deemed to be effective only upon Party A’s receipt of all original documents attached to the said transactions. In case where Party A has not received full original documents as regulated by Laws, Party A bears no responsibility for losses or damages caused by the delay of such transactions*.
8. Những giao dịch nhận được sau thời gian chạy xử lý cuối ngày sẽ được hệ thống của Bên A coi là giao dịch của ngày tiếp theo. Bên A sẽ thông báo cho Bên B thời gian hệ thống chạy xử lý cuối ngày, tuy nhiên, Bên A có quyền thay đổi thời gian hệ thống chạy xử lý cuối ngày mà không cần phải thông báo trước/*Transactions received after cut-off time will be recognized by Party A’s system as the next working day’s transaction. Party A shall notify Party B of the cut-off time but has the right to change the cut-off time without prior notification*.
9. **Chứng từ giao dịch trên chương trình Ngân hàng điện tử/*****Article 8: Transaction documents on the E-Banking system***
   1. Các tài liệu, chứng từ liên quan đến việc cung cấp, sử dụng Dịch vụ và (hoặc) giao dịch giữa khách hàng với Agribank cũng như các số liệu được ghi chép, xác nhận và lưu giữ bởi hệ thống điện tử của Agribank sẽ là bằng chứng về việc giao dịch của khách hàng với Agribank/*Documents, vouchers related to the provision, use of the Service and (or) customer transactions with Agribank as well as data recorded, verified and stored by the electronic system of Agribank will be the evidence of customer’s transactions with Agribank.*
   2. Chứng từ giao dịch được sử dụng đối với các dịch vụ giữa khách hàng với Agribank là chứng từ điện tử. Nội dung chứng từ điện tử phải tuân thủ quy định của Agribank và các quy định khác của pháp luật liên quan đến giao dịch điện tử/*Transaction documents used for the services between Agribank and are electronic documents. The contents of the electronic voucher must comply with Agribank's regulations and other provisions of law relating to electronic transactions.*
   3. Khi có nhu cầu, khách hàng có thể đến bất kỳ điểm giao dịch của Agribank trên toàn quốc để nhận chứng từ giao dịch liên quan đến giao dịch phát sinh/ *When arising demand, customers come to any transaction offices of Agribank over the country to receive transaction document.*
10. **Thời gian cung cấp dịch vụ Ngân hàng điện tử**
    1. Thời gian cung cấp dịch vụ Ngân hàng điện tử để khách hàng sử dụng là 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần (trừ thời gian bảo trì hệ thống hoặc các lý do bất khả kháng khác ngoài tầm kiểm soát của Agribank như hỏa hoạn, động đất, sóng thần, bạo loạn, cấm vận… hoặc các hạn chế khác của Chính phủ)/ *Time of providing the E-Banking service for the customer’s use is 24 hours per day and 07 days per week (except the time for system maintenance or other forced majeure reasons out of Agribank’s control such as fires, floods, earthquakes, tsumanis, riots, embargoes, etc. or other governmental restrictions)*
    2. Việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến dịch vụ ngân hàng điện tử xử lý qua các kênh của Trung tâm Chăm sóc, hỗ trợ khách hàng Agribank được thực hiện 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần/ *Arising issues of the E-Banking service via Agribank Contact Center is solved in 24 hours per day and 07 days per week.*
    3. Việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến dịch vụ ngân hàng điện tử xử lý tại các điểm giao dịch của Agribank được thực hiện trong ngày làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam/ *Arising issues of the E-Banking service via Agribank transaction offices is solved in working hours from Monday to Friday with exception of non-working days and public holidays regulated by Vietnamese Laws.*
11. **Biểu phí/*****Article 10: Service charges/fees***
12. Việc áp dụng và thu các loại phí đối với Bên B được tuân thủ các quy định về phí sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử của Bên A trong từng thời kỳ/ *The application and collection of charges against Party B shall comply with Party A’s regulations on charges from time to time*.
13. Thông tin về các loại phí và biểu phí dịch vụ Ngân hàng điện tử được Bên A niêm yết công khai tại trụ sở các chi nhánh/phòng giao dịch của Bên A; trên trang web chính thức của Bên A; và trên các kênh cung cấp dịch vụ Ngân hàng điện tử hoặc thông báo cho Bên B qua hộp thư điện tử của Bên B/*Information about kinds of charges and Internet Banking service charge scheme are publicly posted at Party A’s transaction offices/branches, on Party A’s official website or the Internet banking service distribution channels, or are notified to Party B via Party B’s e-mail*.
14. Tùy theo từng loại dịch vụ cụ thể, Bên A sẽ thực hiện thu phí của Bên B theo gói Dịch vụ, loại giao dịch, giá trị giao dịch, số lượng giao dịch, đối tượng khách hàng,… Bên B ủy quyền cho Bên A được quyền tự động trích nợ tài khoản để thu phí sử dụng dịch vụ trên bất kỳ tài khoản nào của Bên B mở tại hệ thống của Bên A/*Depending on each specific kind of the service, Party A will collect charges from Party B basing on service package, transaction type, transaction amount, transaction quantity, Party B’s user, etc. Party B authorizes Party A to debit automatically any Party B’s account maintained at Party A’s system to collect charges of the service use.*
15. **Bảo mật/*****Article 11: Confidentiality***
16. Mỗi bên cam kết, trong quá trình thực hiện Hợp đồng này sẽ giữ bí mật các thông tin do bên kia cung cấp (gồm các chương trình phần mềm, tài liệu hướng dẫn sử dụng và các thông tin liên quan đến chương trình) và chỉ được cung cấp cho bên thứ ba khi được phép của bên kia hay theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật/*Each Party commits itself, during the effective period of this Contract, to respect the confidentiality of information provided by the other party (including software, user’s manual or other information, devices relating to the service) and is only allowed to provide such information to a third party if permitted by the other Party or at the request of an competent authority as regulated by Laws*.
17. Mỗi bên cam kết sẽ không sử dụng các thông tin mà bên kia cung cấp nhằm mục đích cạnh tranh với bên cung cấp thông tin/ *Each Party commits itself not to use the information provided by the other party to compete with each other.*
18. **Rủi ro và xử lý rủi ro/*****Article 12: Risk and risk settlement***
19. Các Bên không phải chịu trách nhiệm pháp lý nào về các sự cố gây cản trở, gián đoạn hoặc làm ngừng hoạt động của chương trình Ngân hàng điện tử nếu các sự cố đó được gây ra bởi một sự kiện bất khả kháng. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, bãi công, chiến tranh, sự thay đổi của pháp luật, chính sách, v.v./ *Each party will not bear any legal responsibility for any event resulting in obstruction, interruption or termination of Party A’s E-Banking service if such event is the result of a force–majeure. Force-majeure is an occurrence that is objective, unforeseeable and irremediable even though all necessary measures are taken and all effort is made, including but not limited to natural calamities, diseases, fires, floods, strikes, wars, changes in policies, laws etc.*
20. Trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng này, Bên A sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại và sự cố xảy ra trực tiếp hay gián tiếp bởi những nguyên nhân sau/ *Unless otherwise stated in the contract, Party A is not responsible for any loss or damage directly or indirectly caused by the following reasons*:
    1. Những sự cố do nguyên nhân kỹ thuật thuộc trang thiết bị của Bên B hoặc do nguyên nhân chủ quan do quản lý hay vận hành chương trình không đúng các hướng dẫn của Bên A/ *Technical errors caused by Party B’s equipments or subjective reasons caused by the fact that Party B’s system operation or management is not in compliance with Party A’s guidances*.
    2. Những hư hỏng sự cố xảy ra với phần mềm hệ thống, thiết bị, các đường truyền viễn thông không phải do lỗi của Bên A/ *Technical errors of system software, telecommunication equipments or connection caused by another reason other than the fault of Party A*.
    3. Hệ thống bị nhiễm vi rút do lỗi của Bên B/ *The system affected by virus due to Party B’s fault*.
    4. Sự sai lệch thông tin trong các lệnh giao dịch của Bên B/ *Incorrect information in transaction orders made by Party B*.
    5. Hành động sai sót của Bên B, ngân hàng đại lý, ngân hàng trung gian, ngân hàng trả tiền, nhà cung cấp dịch vụ thanh toán hàng hóa dịch vụ hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác/ *Mistakes or faults of Party B, correspondent banks, intermediate bank, paying bank, payment service provider or any other third-party*.
    6. Những tình huống ngoài khả năng kiểm soát của Bên A/ *Other cases beyond the control of Party A*.
21. **Giao dịch không hủy ngang/*****Article 13: Irrevocalbe transactions***
22. Bên B không thể huỷ, thay đổi, phủ nhận hay từ chối bất kỳ giao dịch nào đã được thực hiện qua các kênh phân phối điện tử của Bên A bằng tên truy cập và mật khẩu của Bên B. Trường hợp Bên B muốn huỷ yêu cầu thực hiện giao dịch, Bên A sẽ chỉ xem xét với điều kiện: (i) Bên A chưa ghi nhận và (hoặc) chưa xử lý giao dịch trên hệ thống; (ii) Việc huỷ giao dịch không ảnh hưởng tới lợi ích của Bên A cũng như lợi ích của bất kỳ bên thứ ba nào khác/*Party B can not cancel, change, deny or decline any transaction processed through Party A’s electronic distribution channels using Party B’s username and password. That Party B wishes to cancel transactions will only be reviewed by Party A on the conditions that: (i) Party A has not recorded and/or has not processed the transactions on the system; (ii) The cancellation of transactions does not affect the benefits of Party A and of any other third party.*
23. Mọi giao dịch của Bên B được thực hiện qua kênh phân phối điện tử của Bên A sẽ được Bên A coi là có giá trị, không huỷ ngang và do Bên B là người duy nhất thực hiện. Bên A không chấp nhận bất cứ sự uỷ quyền nào khác cho bên thứ ba/*All transactions of Party B conducted via the electronic distribution channels of Party A will be considered by Party A to be valid, irrevocable and executed solely by Party B. Party A does not accept any other authorization to the third party*.
24. **Luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp/*****Article 14: Applicable Laws***
25. Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc giải thích từ ngữ trong Hợp đồng này thì việc giải thích từ ngữ theo ngôn ngữ của Bên A sẽ được ưu tiên áp dụng/ *This Contract is governed by the laws of Vietnam. If there is any dispute arising out of the interpretation of words in this Contract, the interpretation in the language of Party A shall prevail.*
26. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng giữa Bên B và Bên A, thì tranh chấp đó trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải/ *If there is any dispute arising from the performance of the Contract between Party B and Party A, such dispute shall first be resolved through negotiation or conciliation.*
27. Trường hợp các bên không hòa giải được, việc giải quyết tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nơi có Trụ sở của Bên A để giải quyết / *In case of unsuccessful conciliation, the dispute settlement shall be subject to jurisdiction of the Court where Party A's office is located*.
28. **Thời hạn hiệu lực và điều khoản thi hành/*****Article 15: Validity and implementation provisions***
29. Hợp đồng này có giá trị 01 (một) năm kể từ ngày ký. Hợp đồng này được tự động gia hạn, nếu không bên nào có văn bản liên quan đến thời hạn Hợp đồng trước thời điểm đáo hạn của Hợp đồng 30 (ba mươi) ngày/*This Contract shall be effective within 01 (one) year from the signing date. This Contract shall be automatically renewed if no written request relating to the Contract’s term is made by either of the two parties thirty (30) days prior to the date of the Contract termination*
30. Trong trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt Hợp đồng hợp tác, phải có thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 60 (sáu mươi) ngày/ *Where one party wishes to terminate the cooperation contract, a written notification of the contract termination must be sent to the other party 60 (sixty) days in advance.*
31. Hợp đồng này được lập thành bản song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng/*This Contract will be a billingual document, Vietnamese and English, in case of any discrepancies between Vietnamese and English, Vietnamese text shall prevail.*
32. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bản gồm 14 (mười bốn) trang, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản/ *This contract having fourteen (14) pages excluding annexes and forms is made in 02 (two) copies of the same legal validity, each party keeps one (01) copy.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện Bên A**  *For and on behalf of Party A*  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu/ Signature, full name and stamp)* | **Đại diện Bên B**  *For and on behalf of Party B*  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu/ Signature, full name and stamp)* |

**Phụ lục 01/*Annex 01***

(đính kèm Hợp đồng số/*attachment to Contract No.*……………………………………………………..)

|  |  |
| --- | --- |
| Cogo V | **GIẤY ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ**  ***Registration for Agribank E-banking Services***  (Đối với khách hàng tổ chức/*For Corporate Customer*) |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. Thông tin khách hàng/*Customer Information*** | | | |
| Tên tổ chức/*Corporation Name*   |  | | --- | |  | | | Mã khách hàng/*CIF No.*   |  | | --- | |  | | |
| Địa chỉ liên hệ/*Contact Address*   |  | | --- | |  | | | | |
| Hộp thư điện tử/*Email*  Số ĐKKD  *Business Registration No.*   |  | | --- | |  | | Ngày cấp  *Date of issue*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | | | Nơi cấp  *Place of issue*   |  | | --- | |  | |
| Mã số thuế/*Tax No.*   |  | | --- | |  | | Ngày cấp/ *Date of issue*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | | | Nơi cấp/ *Place of issue*   |  | | --- | |  | |
| Ghi chú: Các thông tin đăng ký phải trùng khớp với thông tin mở tài khoản  *Note: Information must be identical to that in your account opening form* | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **II. Thông tin người đại diện/người được ủy quyền/*Information of Representative/Authorized person*** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Họ và tên */Full name*   |  | | --- | |  |   Số CMND/CCCD/Hộ chiếu  *ID/Passport No.*   |  | | --- | |  | | | | Ngày sinh/*Date of birth*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |   Ngày cấp  *Date of issue*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | | | Chức vụ/*Position*   |  | | --- | |  |   Nơi cấp  *Place of issue*   |  | | --- | |  | | | | | | | | | |
| Địa chỉ liên hệ/*Contact Address*   |  | | --- | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Là người đại diện/người được ủy quyền chủ tài khoản theo Giấy ủy quyền số/*Is representative/ authorized person of Account Holder Under the Power of Attorney No.*   |  | | --- | |  | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **III. Dịch vụ đăng ký/***Services to register* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Agribank E-Mobile Banking**  Tài khoản mặc định Số điện thoại  *Default Account Mobile No.* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **SMS Banking**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số điện thoại  *Mobile No.*  Số Tài khoản  *Account No.* |  |  |  |  |  | Tài khoản mặc định/  *Default Account* | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **III. Dịch vụ đăng ký/***Services to register* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Internet Banking** (tại https://ibank.agribank.com.vn/ibank*/ at https://ibank.agribank.com.vn/ibank*) | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **a)**  Dịch vụ phi tài chính[[3]](#footnote-3)  *Non-financial services* | | | | | | Dịch vụ thanh toán  *Payment services* | | | | | | | | Dịch vụ tài chính  *Financial services* | | |
| **b) Tài khoản sử dụng/*Using Account***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1. Tài khoản mặc định/*Default Account* | 3. | 5. | | 2. | 4. | 6. | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **c) Hạn mức chuyển khoản đặc biệt/***Special limit for transfer* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tài khoản sử dụng hạn mức đặc biệt  *Account using special limit*   |  | | --- | |  | | | | | | | Hạn mức giao dịch lần  *Entry limit*   |  | | --- | | VND | | | | | | | Hạn mức giao dịch ngày  *Daily limit*   |  | | --- | | VND | | | | | |
| **d) Thông tin người sử dụng dịch vụ thanh toán, tài chính[[4]](#footnote-4)/***User Information for payment/financial services* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Vai trò người sử dụng /***User role* | | | | | | | | | **Số lượng /***Numbers* | | | | | | | |
| Người tạo lệnh (tạo lập các lệnh giao dịch, bắt buộc)/ *Creator (create transaction orders, mandatory)* | | | | | | | | |  | | | | | | | |
| Người kiểm soát (kiểm soát các lệnh giao dịch)/ *Supervisor (supervise transaction orders)* | | | | | | | | |  | | | | | | | |
| Người phê duyệt (kiểm soát và phê duyệt các lệnh giao dịch, bắt buộc)/ *Approver (supervise and approve transaction orders, mandatory)* | | | | | | | | |  | | | | | | | |
| **Vai trò người sử dụng/*User role*** | | | | | | | **Vai trò người sử dụng/*User role*** | | | | | | | | | |
| Tạo lập  *Creator* | Kiểm soát  *Supervisor* | | | | Phê duyệt  *Approver* | | Tạo lập  *Creator* | | | | | | Kiểm soát  *Supervisor* | | | Phê duyệt  *Approver* |
| Họ và tên/*Fullname*: | | | | | | | Họ và tên/*Fullname*: | | | | | | | | | |
| Số CMND/ Hộ chiếu/*ID/PP No.*:  Ngày cấp/*Date of issue*:  Nơi cấp/*Place of issue*: | | | | | | | Số CMND/ Hộ chiếu/*ID/PP No.*:  Ngày cấp/*Date of issue*:  Nơi cấp/*Place of issue*: | | | | | | | | | |
| Quốc tịch/*Nationality:* | | | | | | | Quốc tịch/*Nationality:* | | | | | | | | | |
| Ngày sinh/*Date of birth*: | | | | | | | Ngày sinh/*Date of birth*: | | | | | | | | | |
| Chức vụ/*Position*: | | | | | | | Chức vụ/*Position*: | | | | | | | | | |
| Hộp thư điện tử/*Email*: | | | | | | | Hộp thư điện tử/*Email*: | | | | | | | | | |
| Điện thoại/*Mobile No.*: | | | | | | | Điện thoại/*Mobile No.*: | | | | | | | | | |
| Phương thức xác thực giao dịch (Áp dụng đối với dịch vụ tài chính, thanh toán/ *Authentication method (for financial & payment services)* | | | | | | | Phương thức xác thực giao dịch (Áp dụng đối với dịch vụ tài chính, thanh toán/ *Authentication method (for financial & payment services)* | | | | | | | | | |
| Soft OTP  SĐT sử dụng/*Mobile No.* | | Token OTP  Loại/ *Type* | | | | | Soft OTP  SĐT sử dụng/*Mobile No.* | | | | | | | | Token OTP  Loại/ *Type* | |
| **Chữ ký xác nhận/*Signature***  *(Ký, ghi rõ họ tên/Signature and fullname)* | | | | | | | **Chữ ký xác nhận/*Signature***  *(Ký, ghi rõ họ tên/Signature and fullname)* | | | | | | | | | |
| **Vai trò người sử dụng/*User role*** | | | | | | | **Vai trò người sử dụng/*User role*** | | | | | | | | | |
| Tạo lập  *Creator* | Kiểm soát  *Supervisor* | | | | Phê duyệt  *Approver* | | Tạo lập  *Creator* | | | | | | Kiểm soát  *Supervisor* | | | Phê duyệt  *Approver* |
| Họ và tên/*Fullname*: | | | | | | | Họ và tên/*Fullname*: | | | | | | | | | |
| Số CMND/ Hộ chiếu/*ID/PP No.*:  Ngày cấp/*Date of issue*:  Nơi cấp/*Place of issue*: | | | | | | | Số CMND/ Hộ chiếu/*ID/PP No.*:  Ngày cấp/*Date of issue*:  Nơi cấp/*Place of issue*: | | | | | | | | | |
| Quốc tịch/*Nationality:* | | | | | | | Quốc tịch/*Nationality:* | | | | | | | | | |
| Ngày sinh/*Date of birth*: | | | | | | | Ngày sinh/*Date of birth*: | | | | | | | | | |
| Chức vụ/*Position*: | | | | | | | Chức vụ/*Position*: | | | | | | | | | |
| Hộp thư điện tử/*Email*: | | | | | | | Hộp thư điện tử/*Email*: | | | | | | | | | |
| Điện thoại/*Mobile phone*: | | | | | | | Điện thoại/*Mobile phone*: | | | | | | | | | |
| Phương thức xác thực giao dịch (Áp dụng đối với dịch vụ tài chính, thanh toán/ *Authentication method (for financial & payment services)* | | | | | | | Phương thức xác thực giao dịch (Áp dụng đối với dịch vụ tài chính, thanh toán/ *Authentication method (for financial & payment services)* | | | | | | | | | |
| Soft OTP  SĐT sử dụng/*Mobile No.* | | Token OTP  Loại/ *Type* | | | | | Soft OTP  SĐT sử dụng/*Mobile No.* | | | | | | | | Token OTP  Loại/ *Type* | |
| **Chữ ký xác nhận/*Signature***  *(Ký, ghi rõ họ tên/ Signature and fullname)* | | | | | | | **Chữ ký xác nhận/*Signature***  *(Ký, ghi rõ họ tên/ Signature and fullname)* | | | | | | | | | |
| **IV. Xác nhận của khách hàng/***Customer’s confirmation* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Bằng việc ký vào Bản yêu cầu này, chúng tôi xác nhận:   1. Những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác 2. Chúng tôi đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết tuân thủ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng và hướng dẫn sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Agribank được đăng tải trên địa chỉ website http://www.agribank.com.vn   *By signing this registration , we hereby confirm that:*   1. *The information provided above is complete, true and correct.* 2. *We have read, understood and accepted the Terms and Conditions of the Contract and E-Banking services instruction posted on Agribank website at http://www.agribank.com.vn* | | | | | | | | | | | Ngày*/Date: : / /\_\_\_\_*  **Chủ tài khoản/***Account Holder*  (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  *(Signature, fullname and stamp)* | | | | | |
| **V. Phần dành cho ngân hàng/***For bank only* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Giao dịch viên**/*Teller*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | | | | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Kiểm soát viên/***Supervisor*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | | | | | | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Giám đốc/***Director*  (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature, stamp and fullname)* | | | | | | |

**Phụ lục 02/*Annex 02***

(đính kèm Hợp đồng số/ *attachment to Contract No.*…………………………………………………)

|  |  |
| --- | --- |
| Cogo V | **GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG NGƯỜI DÙNG**  ***Registration for addition of user***  (Đối với khách hàng tổ chức/ *For Corporate Customer*) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vai trò người sử dụng/*User role*** | | | | **Vai trò người sử dụng/User role** | | | |
| Tạo lập  *Creator* | Kiểm soát  *Supervisor* | | Phê duyệt  *Approver* | Tạo lập  *Creator* | Kiểm soát  *Supervisor* | | Phê duyệt  *Approver* |
| Họ và tên/*Fullname*: | | | | Họ và tên/*Fullname*: | | | |
| Số CMND/ Hộ chiếu/*ID/PP No.*:  Ngày cấp/*Date of issue*:  Nơi cấp/*Place of issue*: | | | | Số CMND/ Hộ chiếu/*ID/PP No.*:  Ngày cấp/*Date of issue*:  Nơi cấp/*Place of issue*: | | | |
| Quốc tịch/*Nationality:* | | | | Quốc tịch/*Nationality:* | | | |
| Ngày sinh/*Date of birth*: | | | | Ngày sinh/*Date of birth*: | | | |
| Chức vụ/*Position*: | | | | Chức vụ/*Position*: | | | |
| Hộp thư điện tử/*Email*: | | | | Hộp thư điện tử/*Email*: | | | |
| Điện thoại/*Mobile phone*: | | | | Điện thoại/*Mobile phone*: | | | |
| Phương thức xác thực giao dịch (Áp dụng đối với dịch vụ tài chính, thanh toán/ *Authentication method (for financial & payment services)* | | | | Phương thức xác thực giao dịch (Áp dụng đối với dịch vụ tài chính, thanh toán/ *Authentication method (for financial & payment services)* | | | |
| Soft OTP  SĐT sử dụng/*Mobile No.* | | Token OTP  Loại/ *Type* | | Soft OTP  SĐT sử dụng/*Mobile No.* | | Token OTP  Loại/ *Type* | |
| **Chữ ký xác nhận/*Signature***  *(Ký, ghi rõ họ tên/Signature and fullname)* | | | | **Chữ ký xác nhận/*Signature***  *(Ký, ghi rõ họ tên/ Signature and fullname)* | | | |

Phụ lục này là một phần không thể tách rời của hợp đồng số/*This Annex is an integral part of the Contract No.*: ngày/*date* giữa Agribank Chi nhánh/*between Agribank* *Branch* và khách hàng/*and Customer*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Xác nhận của khách hàng/***Customer’s confirmation* | | | |
| Bằng việc ký vào Bản yêu cầu này, chúng tôi xác nhận:   1. Những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác 2. Chúng tôi đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết tuân thủ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng và hướng dẫn sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Agribank được đăng tải trên địa chỉ website http://www.agribank.com.vn   *By signing this registration , we hereby confirm that:*   1. *The information provided above is complete, true and correct.* 2. *We have read, understood and accepted the Terms and Conditions of the Contract and E-Banking services instruction posted on Agribank website at http://www.agribank.com.vn* | | Ngày*/Date: : / /\_\_\_\_\_*  **Chủ tài khoản/** *Account Holder*  (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  *(Signature, fullname and stamp)* | |
| **Phần dành cho ngân hàng/***For bank only* | | | |
| Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Giao dịch viên**/*Teller*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Kiểm soát viên/***Supervisor*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Giám đốc/***Director*  (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature, stamp and fullname)* |

**Mẫu 03b/NHĐT**

|  |  |
| --- | --- |
| Cogo V | **GIẤY ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ**  ***Registration for using E-Banking services***  (Đối với khách hàng tổ chức chỉ đăng ký dịch vụ phi tài chính  *For Corporate Customer registers non-financial service only*) |

**Kính gửi Agribank Chi nhánh/*To Agribank*** ………………………. ***Branch***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. Thông tin khách hàng/***Customer Information* | | | |
| Tên tổ chức/*Corporation Name*   |  | | --- | |  | | | Mã khách hàng/*CIF No.*   |  | | --- | |  | | |
| Địa chỉ liên hệ/*Contact Address*   |  | | --- | |  | | | | |
| Hộp thư điện tử/*Email*  Số ĐKKD  *Business Registration No.*   |  | | --- | |  | | Ngày cấp  *Date of issue*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | | | Nơi cấp  *Place of issue*   |  | | --- | |  | |
| Mã số thuế/*Tax No.*   |  | | --- | |  | | Ngày cấp/ *Date of issue*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | | | Nơi cấp/ *Place of issue*   |  | | --- | |  | |
| Ghi chú: Các thông tin đăng ký phải trùng khớp với thông tin mở tài khoản  *Note: Information must be identical to that in your account opening form* | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **II. Thông tin người đại diện/người được ủy quyền/***Information of Representative/Authorized person* | | | | | | |
| Họ và tên */Full name*   |  | | --- | |  |   Số CMND/CCCD/Hộ chiếu  *ID/Passport No.*   |  | | --- | |  | | | Ngày sinh/*Date of birth*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |   Ngày cấp  *Date of issue*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | Chức vụ/*Position*   |  | | --- | |  |   Nơi cấp  *Place of issue*   |  | | --- | |  | | |
| Địa chỉ liên hệ/*Contact Address*   |  | | --- | |  | | | | | | | |
| Là người đại diện/người được ủy quyền chủ tài khoản theo Giấy ủy quyền số/ *Is representative/authorized person of Account Holder Under the Power of Attorney No.*   |  | | --- | |  | | | | | | | |
| **III. Dịch vụ đăng ký/***Services to register* | | | | | | |
| **Internet Banking** (tại <https://ibank.agribank.com.vn/ibank> */at <https://ibank.agribank.com.vn/ibank>*) | | | | | | |
| * 1. **Tài khoản mặc định/***Default account*  |  | | --- | |  | | | | * 1. **Tài khoản sử dụng/***Using account*  |  |  | | --- | --- | |  |  | |  |  | |  |  | | | | |
| * 1. **Thông tin người sử dụng/***User information*: | | | **Số người sử dụng/***Number of users* | | | |
| Họ và tên/*Fullname*: | | | Họ và tên/*Fullname*: | | | |
| Số CMND/ Hộ chiếu/*ID/PP No.*:  Ngày cấp/*Date of issue*:  Nơi cấp/*Place of issue*: | | | Số CMND/ Hộ chiếu/*ID/PP No.*:  Ngày cấp/*Date of issue*:  Nơi cấp/*Place of issue*: | | | |
| Quốc tịch/*Nationality:* | | | Quốc tịch/*Nationality:* | | | |
| Chức vụ/*Position*: | | | Chức vụ/*Position*: | | | |
| Điện thoại/*Mobile No.*: | | | Điện thoại/*Mobile No.*: | | | |
| **Agribank E-Mobile Banking**  Tài khoản mặc định Số điện thoại  *Default Account Mobile No.* | | | | | | |
| **III. Dịch vụ đăng ký/***Services to register* | | | | | | |
| **SMS Banking**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số điện thoại  *Mobile No.*  Số Tài khoản  *Account No.* |  |  |  |  |  | Tài khoản mặc định/  *Default Account* | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | | | | | | | |
| **IV. Xác nhận của khách hàng/***Customer’s confirmation* | | | | | | |
| Bằng việc ký vào Bản yêu cầu này, chúng tôi xác nhận:   1. Những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác 2. Chúng tôi đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết tuân thủ các điều kiện, điều khoản sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử đính kèm và hướng dẫn sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Agribank được đăng tải trên địa chỉ website http://www.agribank.com.vn   *By signing this registration, we hereby confirm that:*   1. *The information provided above is complete, true and correct.* 2. *We have read, understood and accepted the Terms and Conditions of Using Agribank E-Banking services enclosed with this registration and E-Banking services instruction posted on Agribank website at http://www.agribank.com.vn* | | | | | | Ngày*/Date: : / /\_\_*  **Khách hàng/***Customer*  (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  *(Signature, fullname and stamp)* |
| **V. Phần dành cho ngân hàng/***For bank only* | | | | | | |
| Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Giao dịch viên**/*Teller*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Kiểm soát viên/***Supervisor*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | | | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Giám đốc/***Director*  (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature, stamp and fullname)* | | |

|  |  |
| --- | --- |
| Cogo V | **ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ**  (Đối với khách hàng tổ chức chỉ đăng ký dịch vụ phi tài chính)  *Terms and Conditions of Using Agribank E-Banking services*  *(For Corporate Customer registers for non-financial service only*) |
|  |  |

**Điều 1. Cung cấp và sử dụng dịch vụ**

***Article 1. Provision and use of services***

* 1. Dịch vụ ngân hàng điện tử (E-Banking) (sau đây gọi là Dịch vụ) do Agribank cung cấp cho khách hàng qua kênh phân phối điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Internet Banking, Agribank E-Mobile Banking, SMS Banking.

*Electronic Banking (E-Banking) services (herein after referred to as the Services) provided by Agribank to Customers via electronic distribution channels, include but not limited to: Internet Banking, Agribank E-Mobile Banking, SMS Banking*

* 1. Khách hàng chấp nhận có thời điểm các thông tin về giao dịch, số dư tài khoản của khách hàng qua dịch vụ E-Banking của Agribank chưa phải là thông tin chính xác cuối cùng tại thời điểm thông báo do lỗi hệ thống.

*Customers specifically accept that in some cases, the information of transactions and account balances of customers reported through E-Banking services of Agribank may not be the final accurate information at the time of notification due to system errors.*

* 1. Khách hàng sẽ không sử dụng được dịch vụ E-Banking nếu tài khoản khách hàng chuyển sang trạng thái tạm khóa, phong tỏa toàn bộ số tiền trên tài khoản, không hoạt động, phong tỏa hoạt động của khách hàng…

*Customer can not use E-Banking services if Customer’s account is put in the status of temporarily being suspendede, blocked all amounts in the account, inactivated, blocked all customer’s transactions on the account, etc.*

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

***Article 2. Terminology***

* 1. Dịch vụ phi tài chính: Là dịch vụ cho phép thực hiện truy vấn các thông tin liên quan đến tài khoản của khách hàng tại Agribank như: vấn tin tài khoản, vấn tin lịch sử giao dịch…. .

*Non-financial services: allow Customers toquery the information of their accounts at Agribank, specifically: Account inquiry, transaction history, etc.*

* 1. Tên đăng nhập (User ID): Là chuỗi ký tự/số điện thoại khách hàng sử dụng để đăng nhập vào hệ thống E-banking của Agribank*.*

*Username (User ID): is a sequence of characters/ mobile phone number that Customers use to log on the E-Banking system.*

* 1. Mật khẩu đăng nhập: Là chuỗi ký tự bí mật khách hàng sử dụng để đăng nhập/sử dụng Dịch vụ*.*

*Password: is the personally secret sequence of characters that Customers use to log on/use the Services.*

* 1. Tài khoản mặc định: Là tài khoản thanh toán bằng VND của khách hàng mở tại Agribank. Tài khoản này dùng để trả phí duy trì dịch vụ ngân hàng điện tử và được sử dụng tất cả các dịch vụ ngân hàng điện tử đã đăng ký*.*

*Default Acount: is Customer’s current account in VND opened at Agribank. This account is used to pay the fee for maintaining the Services and can use all registered services.*

* 1. Tài khoản sử dụng: Là các tài khoản thanh toán, tài khoản tiền gửi (không kỳ hạn, có kỳ hạn)…của khách hàng mở tại Agribank mà khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử.

*Registered account: is payment account, (demand, term) deposit account, etc. of Customers of Agribank who register E-banking services ath Agribank.*

**Điều 3. Cam kết của khách hàng**

***Article 3. Customers’ Commitment***

* 1. Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin và giấy tờ cần thiết theo quy định của Agribank khi đăng ký/thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ và (hoặc) yêu cầu liên quan khác; Kịp thời cung cấp thông tin sửa đổi/bổ sung và giấy tờ cần thiết cho Agribank khi có sự thay đổi. Khách hàng chịu trách nhiệm về mọi rủi ro (nếu có) xảy ra trước thời điểm Agribank nhận được thông báo thay đổi/bổ sung của khách hàng hoặc do nguyên nhân của việc khách hàng cung cấp thông tin không chính xác, đầy đủ, khớp đúng, trung thực, cập nhật.

*Provide complete, accurate information and necessary documents in accordance with Agribank’s regulations when registering/changing/ adding/locking/terminating the Services and/or other relevant requirements; promptly provide amendment/supplement information and necessary documents to Agribank upon any change. Customers take all risks (if any) occurring before Agribank receives Customers’ request of changing/ adding information or due to Customers’ provision of incomplete, inconsistent and/or inaccurate and/or out-of-date information.*

* 1. Tự nguyện ủy quyền cho Agribank được tự động trích Nợ/phong tỏa tài khoản của khách hàng mở tại Agribank để thu các loại phí liên quan đến việc sử dụng dịch vụ. Trường hợp tài khoản của khách hàng tại Agribank không đủ tiền tại thời điểm Agribank thu phí, Agribank có quyền thu phí từ các tài khoản mở tại chi nhánh khác hoặc áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật và Agribank.

*Authorize Agribank on a voluntary basis to debit/block Customers’ account opened at Agribank to charge the fees related to using the Services. In case of insufficient balance in Customers’ account at the time of fees charge, Agribank has the rights to charge any accounts opened at any other branches for the fees or apply other measures as stipulated by law and Agribank.*

* 1. Đồng ý nhận tin nhắn do Agribank gửi tới với mục đích: Thông báo biến động số dư tài khoản trong trường hợp khách hàng đăng ký sử dụng, Agribank sẽ không gửi tin nhắn đối với các biến động trị giá dưới 10.000VND; thông báo OTP; các sản phẩm dịch vụ mới, chương trình khuyến mại và các thông báo khác phục vụ cho việc thực hiện giao dịch điện tử với khách hàng.

*Agree to receive messages from Agribank for the purposes of: Notification of changes in account balance if customer has registered for such service, Agribank will not send messages of value changesunder 10,000VND; OTP message; Agribank’s new products, services and promotions and other announcements facilitating the Services.*

**Điều 4. Quyền và trách nhiệm của khách hàng**

***Article 4. Rights and responsibilities of Customers***

***4.1. Quyền của khách hàng/Customers’ Rights***

a) Được sử dụng các dịch vụ ngân hàng điện tử đã đăng ký với Agribank và (hoặc) sử dụng thêm các tiện ích dịch vụ do Agribank cung cấp trong quá trình nâng cấp, phát triển dịch vụ*.*

*Use the E-banking Services registered with Agribank and (or) use additional services provided by Agribank in the process of upgrading and developing Services.*

b) Yêu cầu Agribank thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ, kích hoạt lại dịch vụ khi bị khóa.

*Request Agribank to change/add/lock/terminate or reactivate the Services.*

c) Yêu cầu Agribank hướng dẫn, cung cấp đầy đủ thông tin dịch vụ, hỗ trợ trong quá trình sử dụng dịch vụ.

*Request Agribank to provide instructions, sufficient information of services and assistance in using the Services.*

***4.2. Trách nhiệm của khách hàng/ Customers’ Responsibilities***

1. Tuân thủ các quy định tại Điều kiện, điều khoản sử dụng dịch vụ; các thủ tục đăng ký, trình tự giao dịch và hướng dẫn khác của Agribank trong quá trình sử dụng dịch vụ. Chịu trách nhiệm về những chi phí, tổn thất, thiệt hại phát sinh do thực hiện không đúng các Điều kiện, điền khoản này*.*

*Comply with the Terms and Conditions of using Services, registration procedures, transaction procedures and other instructions of Agribank when using the Services. Customers take full responsibility for any costs, losses, damages arising due to the fact of not complying these Terms and Conditions.*

1. Áp dụng mọi biện pháp hợp lý đảm bảo an toàn, bảo mật, tính tương thích cho các loại máy móc, thiết bị kết nối,… do khách hàng sử dụng khi kết nối, truy cập dịch vụ nhằm kiểm soát, phòng ngừa và ngăn chặn việc sử dụng hoặc truy cập trái phép dịch vụ*.*

*Apply all suitable solutions in ensuring safety, confidentiality, compatibility for machines, connecting devices, etc. that are used by customer to connect, access to the Service so as to control, prevent, and avoid any unauthorized access.*

1. Chịu trách nhiệm bảo quản, bảo mật, không chia sẻ thông tin Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập,… khi sử dụng các dịch vụ. Thông báo kịp thời cho Agribank bằng các phương tiện thích hợp ngay khi phát hiện mật khẩu bị lộ, mất, sai sót, không đúng theo yêu cầu của mình. Trường hợp sử dụng dịch vụ Internet Banking, không đặt tùy chọn của trình duyệt web cho phép lưu lại tên, mật khẩu sử dụng, thoát khỏi hệ thống khi không sử dụng; Không sử dụng máy tính công cộng, mạng không dây công cộng truy cập vào hệ thống Internet Banking*.*

*Be responsible for maintaining and keeping* *user name, password, etc. confidential when using the Services. Promptly notify Agribank by appropriate means once discovering that the password/authentication device and/or electronic signature is leaked, damaged, flawed or is not as requested. In case of using Internet Banking, do not set the option to enable web browser to save username, password; sign out of the Services when not in use; do not use public computer, public wireless network to access to Internet Banking system.*

1. Không được phép ủy quyền đăng ký mới/thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ.

*Not be allowed to authorize to register/ change/ add/ lock/ terminate the Services*.

1. Đảm bảo tài khoản có đủ số dư để Agribank thực hiện trích Nợ các khoản phí liên quan khi đến hạn thanh toán. Khách hàng sẽ bị dừng dịch vụ nếu không hoàn thành nghĩa vụ trả phí duy trì dịch vụ trong 01 (một) năm*.*

*Ensure the account balance sufficient for Agribank’s debit of related fees. Customers’ services will be suspended if the Customers do not pay the annual fees in 01 (one) year.*

1. Thông báo và phối hợp kịp thời với Agribank để giải quyết khi có sai sót, sự cố trong quá trình sử dụng các dịch vụ*.*

*Promptly notify and coordinate with Agribank to resolve errors, problems in the course of using the Services.*

1. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Agribank*.*

*Others as regulated by law and Agribank.*

**Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Agribank**

***Article 5. Rights and responsibilities of Agribank***

***5.1. Quyền của Agribank/ Agribank’s Rights***

1. Khi nâng cấp, phát triển dịch vụ, Agribank được phép bổ sung, cung cấp thêm các tiện ích dịch vụ cho khách hàng mà không cần thông báo hoặc yêu cầu khách hàng đăng ký bổ sung Dịch vụ.

*When upgrading and developing the Service, Agribank is allowed to supplement and provide additional services to Customers without notice or require Customers to register additional services.*

1. Khóa/hủy Dịch vụ mà không cần báo trước khi Agribank thấy là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp: (i) Theo quyết định, yêu cầu của pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, (ii) Khách hàng không tuân thủ các điều kiện, điều khoản, quy định của Agribank và (hoặc) quy định của pháp luật về sử dụng Dịch vụ, (iii) Khi lợi ích của Agribank/khách hàng/bên thứ ba có thể bị vi phạm; (iv) Khách hàng không thanh toán đủ phí duy trì dịch vụ trong thời hạn quy định; (v) Tài khoản sử dụng dịch vụ của khách hàng chuyển sang trạng thái không hoạt động/phong tỏa/cầm cố; (vi) Khi có các sự cố do nguyên nhân bất khả kháng, vượt quá phạm vi kiểm soát của Agribank.

*Lock/terminate the Services without prior notice to Agribank, including but not limited to: (i) According to the decision, the request of the law or the competent state agency; (ii) Customers fail to comply with the conditions, terms and regulations of Agribank and/or the law governing use of the service; (iii) where the interests of Agribank/clients/third parties may be violated; (iv); (v); (vi) In the case of occurrences caused by force majeure circumstances, beyond Agribank's control.*

1. Được phép sử dụng thông tin khách hàng để: (i) Phục vụ việc quản lý, giám sát, tư vấn, hỗ trợ,… giữa Agribank với khách hàng và (hoặc) sử dụng vào mục đích quảng bá, giới thiệu sản phẩm dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và lợi ích của khách hàng; (ii) Chia sẻ với bên thứ ba hợp tác với Agribank trong việc cung cấp dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và lợi ích của khách hàng; (iii) Phục vụ việc điều tra hoạt động rửa tiền hoặc gửi cho cơ quan có thẩm quyền khi có căn cứ hoặc nghi ngờ.

*Be allowed to use Customers’ information to: (i) facilitate management, supervision, consultation, support, etc. between Agribank and its Customers and / or for the purposes of promoting and introducing productsservices to enhance its service quality and Customers’ benefits; (ii) share with the third parties in cooperation with Agribank to provide Services to enhance its service quality and Customers’ benefits; (iii) Facilitate the investigation of money laundering or to send to competent authorities when grounded or suspected.*

1. Các quyền khác theo quy định của Agribank và pháp luật*.*

*Other Rights as stipulated by Agribank and laws.*

***5.2. Trách nhiệm của Agribank/ Agribank’s Responsibilities***

1. Tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan về cung cấp các dịch vụ ngân hàng điện tử; bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản, giao dịch của khách hàng.

*Comply with regulations on E-banking transaction; keep confidential information related to accounts, transactions of customers.*

1. Thực hiện thay đổi/bổ sung/khóa/hủy dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng; tiếp nhận, giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại của khách hàng liên quan đến dịch vụ của Agribank.

*Change/add/lock/terminate the Services at Customer’s request; receive and resolve Customer’s complaints, investigation requests related to the Services.*

1. Hướng dẫn, hỗ trợ khách hàng sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật, Agribank.

*Guide and support Customers in the course of using the Services according to law and Agribank.*

**Điều 6. Thời gian giao dịch**

***Article 6. Transaction time***

Khách hàng có thể sử dụng dịch vụ 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần (trừ thời gian bảo trì hệ thống hoặc các lý do bất khả kháng khác ngoài tầm kiểm soát của Agribank như hỏa hoạn, động đất, sóng thần, bạo loạn, cấm vận… hoặc các hạn chế khác của Chính phủ).

*Customers can use the Services 24 hours per day and 07 days per week (except time for system maintenance or other forced majeure reasons beyond Agribank’s control such as fires, floods, earthquakes, tsumanis, riots, embargoes or other governmental restrictions.*

**Điều 7. Phí dịch vụ**

***Article 7. Service charges***

* 1. Việc áp dụng và thu các loại phí đối với khách hàng sử dụng dịch vụ tuân thủ các quy định về phí của Agribank trong từng thời kỳ.

*The application and collection of fees for customers using the service are subject to Agribank’s regulations on charges in each period.*

* 1. Thông tin về các loại phí và biểu phí dịch vụ được Agribank niêm yết công khai tại các điểm giao dịch, trang web chính thức của Agribank, các kênh cung cấp dịch vụ hoặc thông báo cho khách hàng qua hộp thư điện tử của khách hàng.

*Information on Fees and Charges of Agribank's services are publicly listed on Agribank branches, the official website of Agribank, service provision channels or informing customers through the customers’ e-mail.*

* 1. Tùy theo từng loại dịch vụ cụ thể, Agribank sẽ thực hiện thu phí của khách hàng theo loại giao dịch, giá trị giao dịch, số lượng giao dịch, đối tượng khách hàng…

*Depending on the type of particular services, Agribank will charge customers upon transaction type, transaction value, transaction amount, customer type, etc.*

**Điều 8. Sửa đổi nội dung điều khoản**

***Article 8. Amendment of terms and conditions***

* 1. Agribank được phép sửa đổi nội dung của bản điều kiện, điều khoản này bằng cách thông báo qua các chi nhánh, các kênh cung cấp dịch vụ, website của Agribank hoặc thông báo bằng hình thức thích hợp khác*.*

*Agribank shall be allowed to modify the content of these terms and conditions, by giving notice via branches, service distribution channels, Agribank official website or other suitable methods.*

* 1. Việc khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ sau khi Agribank sửa đổi bản điều kiện, điều khoản này có nghĩa là khách hàng chấp thuận hoàn toàn các sửa đổi đó*.*

*ThatCustomers continue to use the Services after Agribank’s modification ofthese terms and conditions means that the Customers fully accept such amendments.*

**Điều 9. Luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp**

***Article 9. Governing law and dispute resolution***

* 1. Điều khoản này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa khách hàng và Agribank thì tranh chấp đó trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

*These terms and conditions are amended by Vietnamese laws. If there is any dispute arising between Customers and Agribank, such dispute shall first be amicably settled through negotiation and conciliation on a basis of cooperation and respect for the rights and legitimate interests of each party.*

* 1. Trường hợp các bên không hòa giải được, việc giải quyết tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án nơi có Trụ sở của Agribank để giải quyết.

*In case of unsuccessful conciliation, the dispute settlement shall be subject to jurisdiction of the Court where Agribank’s headquarter is located.*

**Điều 10. Thời hạn hiệu lực và điều khoản thi hành**

***Article 10. The validity and enforcement provisions*** 10.1.Các điều kiện, điều khoản này có hiệu lực kể từ ngày khách hàng đăng ký sử dụng Dịch vụ cho đến khi khách hàng chấm dứt sử dụng Dịch vụ*.*

*These terms and conditions shall be effective from the date of Customers’ registration for the use of the Services until the date of customer’s termination of using the Services.*

10.2.Trường hợp một hoặc một số điều khoản được quy định trên đây bị vô hiệu do cơ chế, chính sách pháp luật từng thời kỳ hoặc các trường hợp khác thì việc vô hiệu của các điều khoản này không làm ảnh hưởng tới hiệu lực của các điều khoản khác, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác, hoặc việc vô hiệu của điều khoản đó dẫn tới việc cung cấp dịch vụ bị chấm dứt.

*In case where one or more of the aforementioned provisions are invalidated due to the legal mechanisms, policies from time to time or in other circumstances, the invalidation of these terms shall not affect the validity of other provisions, unless otherwise has beeb agreed by the parties, or the nullity of the provision leads to the termination of the service provision.*

10.3 Các điều kiện, điều khoản này được lập thành bản song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng/*These terms and conditions will be a billingual document, Vietnamese and English, in case of any discrepancies in meaning between Vietnamese and English versions, the Vietnamese one shall prevail.*

**Khách hàng/*Customer***

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu/Signature, fullname and stamp)*

**Mẫu 04/NHĐT**

|  |  |
| --- | --- |
| Cogo V | **GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI/BỔ SUNG/KHỎA/HỦY DỊCH VỤ**  **NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ**  ***Registration for changing/addition/locking/termination of E-banking Services***  (Đối với khách hàng cá nhân/*For Individual Customer*) |

**Kính gửi Agribank Chi nhánh** /*To Agribank* ………………………. *Branch*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên  *Fullname*   |  | | --- | |  |   Số CMND/CCCD/Hộ chiếu  *ID/Passport No.*   |  | | --- | |  | | Ngày sinh  *Date of birth*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |   Ngày cấp  *Date of issue*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | | Mã số thuế cá nhân  *Tax No.*   |  | | --- | |  |   Nơi cấp  *Place of issue*   |  | | --- | |  | |
| Địa chỉ liên hệ/*Contact Address*   |  | | --- | |  | | | |
| Đề nghị Quý Ngân hàng/*Request Agribank*: | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Dịch vụ đề nghị thay đổi/bổ sung/khóa/hủy/** *Service Request for changing/addition/locking/termination* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Internet Banking (<https://ibank.agribank.com.vn/ibank>)  Agribank E-Mobile Banking | | | | | | | | | | SMS Banking  Bankplus  Agribank Mplus | | | | | | | | | | | |
| **II. Yêu cầu dịch vụ/** *Requestment of Customer* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Khởi tạo lại Mật khẩu đăng nhập/ *Reset accessing password*  Khóa tên đăng nhập/*Lock user*  Mở khóa tên đăng nhập/*Unlock user*  Khóa dịch vụ tài chính/thanh toán/ *Lock financial/payment services*  Mở khóa dịch vụ tài chính/thanh toán/ *Unlock financial/payment services* | | | | | | | | | | Khóa thiết bị xác thực/*Lock authentical device*  Mở khóa thiết bị xác thực/*Unlock authentical device*  Cấp lại thiết bị xác thực/*Reprovide authentical device*  Hủy dịch vụ/*Terminate services* | | | | | | | | | | | |
| **III. Thay đổi thông tin đăng ký/** *Modify information of registration* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Thay đổi tài khoản sử dụng**  *Modify using account*   * 1. ………………………………   2. ………………………………   3. ………………………………   4. ……………………………… | | | | Bổ sung  *Add* | | | | | Hủy bỏ  *Terminate* | | | **Thay đổi số điện thoại**  *Modify mobile No.*   1. ……………………………… 2. ……………………………… 3. ……………………………… 4. ……………………………… | | | | | | | Bổ sung  *Add* | | Hủy bỏ  *Terminate* |
| **Thay đổi dịch vụ/***Change services* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Dịch vụ tài chính *Financial services* | | Bổ sung  *Add* | | | | Hủy bỏ  *Terminate* | | | | 1. Dịch vụ thanh toán *Payment services* | | | | | | Bổ sung  *Add* | | | | Hủy bỏ  *Terminate* | |
| **Thay đổi Phương thức xác thực giao dịch/***Change Authentical Method* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. SMS OTP | Hủy bỏ  *Terminate* | | Bổ sung:  *Add* | | | | | SĐT sử dụng/*Mobile No.* | | | | | Thay đổi:  *Change* | | | | | SĐT sử dụng/*Mobile No.* | | | |
| 1. Soft OTP | Hủy bỏ  *Terminate* | | Bổ sung:  *Add* | | | | | Loại/*Type* | | | | | SĐT sử dụng/*Mobile No.* | | | | | | | | |
| 1. Token OTP | Hủy bỏ  *Terminate* | | Bổ sung:  *Add* | | | | | Loại/*Type* | | | | | | | | | | | | | |
| **III. Thay đổi thông tin đăng ký/** *Modify information of registration* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Thay đổi Hạn mức giao dịch đặc biệt đối với chuyển khoản/** *Change special transaction limit for transfer* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Hạn mức đặc biệt   *Special Limit* | | | Hủy bỏ  *Terminate* | | | | Thay đổi:  *Change:* | | | | Hạn mức đề nghị mới  VND  *New special Limit* | | | | | | | | | | |
| 1. Tài khoản sử dụng hạn mức đặc biệt   *Acct. using special Limit* | | | | | | | | | | | | Hủy bỏ  *Terminate* | | | | | Thay đổi  *Change* | | | | |
| Tài khoản mới  *New account*   |  | | --- | |  | | | | | | Hạn mức giao dịch lần  *Entry limit*   |  | | --- | | VND | | | | | | | | | | | Hạn mức giao dịch ngày  *Day limit*   |  | | --- | | VND | | | | | | | |
| **IV. Xác nhận của khách hàng** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Bằng việc ký vào Bản yêu cầu này, Tôi xác nhận:   1. Những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác 2. Tôi đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết tuân thủ các điều kiện, điều khoản sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử đính kèm và hướng dẫn sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Agribank được đăng tải trên địa chỉ website http://www.agribank.com.vn   *By signing this form, I hereby confirm that:*   1. *The information provided above is complete, true and correct.* 2. *I have read, understood and accepted the Terms and Conditions of E-Banking services enclosed with this registration and E-Banking service instruction posted on Agribank website at http://www.agribank.com.vn* | | | | | | | | | | | | | | Ngày*/Date: : / /\_\_\_\_\_*  **Khách hàng/***Customer*  (Ký, ghi rõ họ tên)  *(Signature and fullname)* | | | | | | | |
| **V. Phần dành cho ngân hàng/***For bank only* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Giao dịch viên**/*Teller*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | | | | | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Kiểm soát viên/***Supervisor*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | | | | | | | | | | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Giám đốc/***Director*  (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature, stamp and fullname)* | | | | | | |

**Mẫu 05/NHĐT**

|  |  |
| --- | --- |
| Cogo V | **GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI/BỔ SUNG/KHỎA/HỦY DỊCH VỤ**  **NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ**  ***Registration for changing/addition/locking/termination of E-banking Services***  (Đối với khách hàng tổ chức/*For Corporate Customer*) |

**Kính gửi Agribank Chi nhánh** /*To Agribank* ………………………. *Branch*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. Thông tin khách hàng/***Customer Information* | | | |
| Tên tổ chức/*Corporation Name*   |  | | --- | |  | | | Mã khách hàng/*CIF No.*   |  | | --- | |  | | |
| Địa chỉ liên hệ/*Contact Address*   |  | | --- | |  | | | | |
| Hộp thư điện tử/*Email*  Số ĐKKD  *Business Registration No.*   |  | | --- | |  | | Ngày cấp  *Date of issue*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | | | Nơi cấp  *Place of issue*   |  | | --- | |  | |
| Mã số thuế/*Tax No.*   |  | | --- | |  | | Ngày cấp/ *Date of issue*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | | | Nơi cấp/ *Place of issue*   |  | | --- | |  | |
| Ghi chú: Các thông tin đăng ký phải trùng khớp với thông tin mở tài khoản  *Note: Information must be identical to that in your account opening form* | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. Thông tin người đại diện/người được ủy quyền/***Information of Representative/Authorized person* | | |
| Họ và tên */Full name*   |  | | --- | |  |   Số CMND/CCCD/Hộ chiếu  *ID/Passport No.*   |  | | --- | |  | | Ngày sinh/*Date of birth*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |   Ngày cấp  *Date of issue*   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  | | Chức vụ/*Position*   |  | | --- | |  |   Nơi cấp  *Place of issue*   |  | | --- | |  | |
| Địa chỉ liên hệ/*Contact Address*   |  | | --- | |  | | | |
| Là người đại diện/người được ủy quyền chủ tài khoản theo Giấy ủy quyền số/*Is representative/ authorized person of Account Holder Under the Power of Attorney No.*   |  | | --- | |  | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **III. Dịch vụ đề nghị thay đổi/bổ sung/khóa/hủy**  *Service request for changing/addition/locking/termination* | | | | | | |
| Internet Banking (<https://ibank.agribank.com.vn/ibank>) | | | SMS Banking  Agribank E-Mobile Banking | | | |
| **IV. Yêu cầu dịch vụ/***Requestment of Customer* | | | | | | |
| Khởi tạo lại Mật khẩu đăng nhập/ *Reset accessing password*  Khóa tên đăng nhập/*Lock user*  Mở khóa tên đăng nhập/*Unlock user*  Khóa dịch vụ tài chính/thanh toán/ *Lock financial/payment services*  Mở khóa dịch vụ tài chính/thanh toán/ *Unlock financial/payment services* | | | Khóa thiết bị xác thực/ *Lock authentical device*  Mở khóa thiết bị xác thực/ *Unlock authentical device*  Cấp lại thiết bị xác thực/ *Reprovide authentical device*  Hủy dịch vụ/ *Terminate services* | | | |
| **V. Thay đổi thông tin đăng ký/** *Modify information of registration* | | | | | | |
| **Thay đổi tài khoản sử dụng**  *Modify using account*   1. ……………………………… 2. ……………………………… 3. ……………………………… 4. ……………………………… | Bổ sung  *Add* | Hủy bỏ  *Terminate* | | **Thay đổi số điện thoại**  *Modify mobile No.*   1. ………………………… 2. ………………………… 3. ………………………… 4. ………………………… | Bổ sung  *Add* | Hủy bỏ  *Terminate* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **V. Thay đổi thông tin đăng ký/** *Modify information of registration* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Thay đổi dịch vụ/***Change services* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Dịch vụ tài chính *Financial services* | | Bổ sung  *Add* | | | | | Hủy bỏ  *Terminate* | | | | | 1. Dịch vụ thanh toán *Payment services* | | | | | | Bổ sung  *Add* | | | Hủy bỏ  *Terminate* |
| **Thay đổi Phương thức xác thực giao dịch/***Change Authentical Method* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. SMS OTP | Hủy bỏ  *Terminate* | | Bổ sung:  *Add* | | | | | SĐT sử dụng/*Mobile No.* | | | | | Thay đổi:  *Change* | | | | | | | SĐT sử dụng/*Mobile No.* | |
| 1. Soft OTP | Hủy bỏ  *Terminate* | | Bổ sung:  *Add* | | | | | Loại/*Type* | | | | | SĐT sử dụng/*Mobile No.* | | | | | | | | |
| 1. Token OTP | Hủy bỏ  *Terminate* | | Bổ sung:  *Add* | | | | | Loại/*Type* | | | | | | | | | | | | | |
| **Thay đổi Hạn mức giao dịch đặc biệt đối với chuyển khoản/***Change special transaction limit for transfer* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Hạn mức đặc biệt   *Special Limit* | | Hủy bỏ  *Terminate* | | | | Thay đổi:  *Change:* | | | | Hạn mức đề nghị mới  VND  *New special Limit* | | | | | | | | | | | |
| 1. Tài khoản sử dụng hạn mức đặc biệt   *Acct. using special trans. Limit* | | | | | | | | | | | Hủy bỏ  *Terminate* | | | | | | | | Thay đổi:  *Change:* | | |
| Tài khoản mới  *New account*   |  | | --- | |  | | | | | | Hạn mức giao dịch lần  *Entry limit*   |  | | --- | | VND | | | | | | | | | | | Hạn mức giao dịch ngày  *Day limit*   |  | | --- | | VND | | | | | | | |
| **VI. Thay đổi thông tin người dùng/** *Modify information of users* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Hủy người dùng/***Remove user* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Họ và tên/*Fullname*:……………………… 2. Họ và tên/*Fullname*:……………………… 3. Họ và tên/*Fullname*:……………………… | | | | | | | | | Username:………………  Username:………………  Username:……………… | | | | | | | | Vai trò/*Role*:………………  Vai trò/*Role*:………………  Vai trò/*Role*:……………… | | | | |
| **Thay đổi thông tin người dùng/***Change information of users* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Họ và tên/*Fullname*:……………………… | | | | | | | | | Username:……………… | | | | | | | | Vai trò/*Role*:……………… | | | | |
| Thông tin cần thay đổi/*Information to change*:……………………………………………………………  Nội dung thay đổi/*Content to change*: …………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Họ và tên/*Fullname*:……………………… | | | | | | | | | Username:……………… | | | | | | | | Vai trò/*Role*:……………… | | | | |
| Thông tin cần thay đổi/*Information to change*:……………………………………………………………  Nội dung thay đổi/*Content to change*: …………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **VII. Xác nhận của khách hàng** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Bằng việc ký vào Bản yêu cầu này, Tôi xác nhận:   1. Những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác 2. Chúng tôi đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết tuân thủ các điều khoản, điều kiện của Nội dung thỏa thuận sử dụng dịch vụ ngân hàng đính kèm và hướng dẫn sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Agribank được đăng tải trên địa chỉ website http://www.agribank.com.vn   *By signing this form , I hereby confirm that:*   1. *The information provided above is complete, true and correct.* 2. *We have read, understood and accepted the Terms and Conditions of E-Banking services enclosed with this registration and E-Banking service instruction posted on Agribank website at http://www.agribank.com.vn* | | | | | | | | | | | | | | | | Ngày*/Date: : / /\_\_\_\_\_*  **Khách hàng/***Customer*  (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  *(Signature, fullname and stamp)* | | | | | |
| **VIII. Phần dành cho ngân hàng/***For bank only* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_\_*  **Giao dịch viên**/*Teller*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | | | | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_\_*  **Kiểm soát viên/***Supervisor*  (Ký, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature and fullname)* | | | | | | | | | | Ngày/*Date: / /\_\_\_\_*  **Giám đốc/***Director*  (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)*  *(Signature, stamp and fullname)* | | | | | | | |

**Mẫu 06b/NHĐT**

|  |  |
| --- | --- |
| Cogo V | **BIÊN BẢN BÀN GIAO THIẾT BỊ XÁC THỰC**  *Minutes of Authentication Device Handover* |
| **CHI NHÁNH/*Branch*…** |  |

Căn cứ Phiếu đăng ký/Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử số/*Pursuant to Registration/Contract of using E-Banking services No* ngày /*date* / /

Chúng tôi, gồm có/*We include*:

**Đại diện bên giao/*****Representative of Handover Party*:**

Ông/Bà/*Mr/Ms*: Chức vụ/*Position*:

Bộ phận/*Department*: Chi nhánh/*Branch*:

**Đại diện bên nhận/*****Representative of Receiver Party*:**

Ông/Bà/*Mr/Ms*: Số điện thoại/*Tel*: Fax:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số/*ID, PP No.*: Ngày cấp/*Date of issue* / /

Nơi cấp/*Place of issue*

Địa chỉ/*Address*:

Thông tin thiết bị gồm/ *Device’s information*:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** *No.* | **Số serial** *Serial No.* | **Tên đăng nhập** *Username* | **Dịch vụ đăng ký** *Registered services* |
|  |  |  |  |

Bên nhận đã kiểm tra tình trạng thiết bị như sau/ *Receiver Party has checked status of device as follow*:

* Màn hình hiển thị rõ ràng số OTP khi bấm nút và tự động mất đi sau khoảng thời gian 60 giây/ *The screen clearly displays the OTP number when pressing and automatically disappears after 60 seconds*.
* Số serial ở mặt sau của thiết bị rõ ràng, không bị mờ/ *The serial number at the back of the device is clear, not blurred*

­Sau khi hoàn tất việc nhận và kiểm tra tình trạng thiết bị: Bên nhận hoàn toàn chịu trách nhiệm về chi phí sửa chữa hoặc thay mới thiết bị đối với các trường hợp rủi ro (hỏng hóc, mất, thất lạc,…) xảy ra với Thiết bị bảo mật/ *After completion of receiving and checking the device status: The receiver is fully responsible for the cost of repairing or replacement of device for the risks (failure, loss, misplacement, ...) occuring with the Security Device.*

Biên bản được lập thành hai (02) bản có nội dung và giá trị như nhau. Bên giao giữ một (01) bản, bên nhận giữ một (01) bản/ *This Minutes is made in two (02) copies with the same content and validity. Handover Party keeps one (01) copy, Receiver Party keeps one (01) copy.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**  *For and on behalf of Receiver Party*  (Ký, ghi rõ họ tên/ *Signature and fullname*) | **ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**  *For and on behalf of Handover Party* | |
| Giao dịch viên/*Teller*  *(Ký, ghi rõ họ tên/ Signature and fullname)* | Kiểm soát viên/*Supervisor*  *(Ký, ghi rõ họ tên/ Signature and fullname)* |

**CHÚ Ý KHI SỬ DỤNG THIẾT BỊ**

*Notice of use of Authentication Device*

* Tránh các va đập vật lý như làm rơi, va quệt, tiếp xúc với nước…/ *Avoid physical collisions such as dropping, splashing, soaking, etc.*
* Không được phép mở hay tự tiện thay pin trong trường hợp Thiết bị bảo mật hết pin, hỏng, không hiển thị dãy số bảo mật trên màn hình. Trong trường hợp thiết bị bảo mật không sử dụng được, đề nghị khách hàng liên hệ với Agribank chi nhánh nơi đăng ký sử dụng dịch vụ để được tư vấn và giúp đỡ/ *Must not open or replace the battery in case the security device is out of battery, not showing the security number on the screen. In case the security device stops working, please contact Agribank’s branch where you registered service to get advice and support.*
* Không tẩy xóa hay thay đổi số seri phía sau sản phẩm/ *Do not erase or change the serial number at the back of the device.*
* Tránh để Thiết bị bảo mật trong môi trường có ảnh hưởng điện từ cao/ *Avoid keeping the security device in high electromagnetic environment.*

**Mẫu 08/NHĐT**

|  |  |
| --- | --- |
| Cogo V | **GIẤY YÊU CẦU TRA SOÁT GIAO DỊCH**  ***Request for transaction investigation*** |

Mã số khách hàng

CIF No.:

**Kính gửi: Agribank Chi nhánh/*To Agribank*** ***Branch***

Họ và tên cá nhân/tổ chức/*Customer Name*:

Người đại diện (tổ chức)/*Representative person (for corporate)*:

Số CMND/Hộ chiếu/CCCD/*ID/PP No.* Ngày cấp/*Date of issue* / /

Nơi cấp/*Place of issue*:

Số đăng ký kinh doanh/*Registration business No.*:

Ngày cấp/*Date of issue* / / Nơi cấp/*Place of issue*:

Địa chỉ liên hệ/*Contact Address*

Điện thoại liên hệ/*Contact phone*: CĐ/*Tel*: DĐ/*Mobilephone*:

Hộp thư điện tử/*E-mail*:

|  |  |
| --- | --- |
| Hỗ trợ qua điện thoại/*Via phone*: | Hỗ trợ tại quầy/*At counter*: |

**I. YÊU CẦU TRA SOÁT/*Request for transaction investigation***

1. **Thông tin giao dịch/***Transaction Information*

* Loại giao dịch/*Transaction type*:
* Số bút toán/*Seq. No.*: Số tiền giao dịch/*Transaction Amount*:

Số tiền bằng chữ/*By words*:

* Thời gian giao dịch/*Transaction time*: giờ /*am/pm* phút/*minute*, ngày/*on date* / /
* Tên người/đơn vị thụ hưởng/*Beneficiary*:
* Số tài khoản/*Acct. No.*: tại Ngân hàng/*at the Bank*

1. **Nội dung yêu cầu tra soát/***Content of investigation request*

**II. PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG/*For Bank only***

1. **Kết quả xử lý khiếu nại/tra soát/*Result of transaction investigation*:**

1. **Nội dung trả lời khách hàng/*Content of the answer to Customer*:**

Tôi/chúng tôi xin cam đoan trước pháp luật những điều viết trên đây là đúng sự thật và chịu mọi khoản phí liên quan*/ I/we affirm before the law that the above content written are true and bear all related fees.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chủ tài khoản/***Account Holder*  (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có/*Signature, fullname and stamp-if any*) | **Giao dịch viên/***Teller*  (Ký và ghi rõ họ tên/ *Signature and fullname*) | **Kiểm soát viên/***Supervisor*  (Ký và ghi rõ họ tên/ *Signature and fullname*) |

1. Nếu nộp thuế điện tử/*If Customer registers eTax payment* [↑](#footnote-ref-1)
2. Mặc định cung cấp khi đăng ký dịch vụ Internet Banking/*Default provided when registering Internet Banking* [↑](#footnote-ref-2)
3. Mặc định cung cấp khi đăng ký dịch vụ Internet Banking/*Default provided when registering Internet Banking* [↑](#footnote-ref-3)
4. Trường hợp khách hàng muốn đăng ký thêm người dùng, khách hàng vui lòng sử dụng Phụ lục 02/ *To register for more users, please use Annex 02* [↑](#footnote-ref-4)